

BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG **THƯƠNG MẠI**

Số 01 tháng 8/2026

www.tbt.gov.vn



Giảm ô nhiễm nhựa: Thương mại có thể trở thành một phần của giải pháp



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

MỤC LỤC

Vấn đề hôm nay

3

Giảm ô nhiễm nhựa: Thương mại có thể trở thành một phần của giải pháp



Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

6

Danh mục thông báo TBT đã tiếp nhận từ 01/8/2026 - 10/8/2026

9

Tin cảnh báo TBT số 01 tháng 8/2026

15

Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TBT mới ban hành

Quan ngại thương mại

17

Quan ngại thương mại của Liên minh châu Âu đối với các biện pháp thực hành nông nghiệp tốt của Ả-rập Xê-út



Tranh chấp thương mại về TBT của WTO

20

Liên minh Châu Âu - Các biện pháp cấm nhập khẩu và buôn bán các sản phẩm từ Hải cẩu (DS401) (Phần 3)



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

Giảm ô nhiễm nhựa: Thương mại có thể trở thành một phần của giải pháp

Ô nhiễm nhựa từ lâu được nhìn nhận chủ yếu như một vấn đề môi trường và quản lý chất thải. Tuy nhiên, trong bối cảnh chuỗi cung ứng ngày càng mang tính toàn cầu, cách sản phẩm nhựa được thiết kế, sản xuất, phân loại và lưu thông qua biên giới cũng đang trở thành một vấn đề của thương mại quốc tế.



Ngày 07/7/2026, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cho biết các Thành viên tham gia Đối thoại về ô nhiễm nhựa và thương mại nhựa bền vững với môi trường (DPP) đã xác định những lĩnh vực ưu tiên cho giai đoạn 2026–2027. Các nội dung được quan tâm gồm minh bạch dòng chảy thương mại nhựa, các biện pháp đối với nhựa dùng một lần, hàng hóa và công nghệ phục vụ kinh tế tuần hoàn, vật liệu thay thế nhựa và những thách thức riêng của các nước đang phát triển. Đây là sự thay đổi đáng chú ý trong cách tiếp cận vấn đề ô nhiễm nhựa. Thay vì chỉ tập trung vào xử lý chất thải sau khi sản phẩm đã được sử dụng, các cuộc thảo luận ngày càng hướng về toàn bộ vòng đời của sản phẩm.

Một trong những hướng được WTO đề cập là các giải pháp “thượng nguồn” và tuần hoàn, chẳng hạn thiết kế lại sản phẩm, mô hình tái sử dụng và cải tiến bao bì. Những giải pháp này nhằm giảm lượng vật liệu sử dụng ngay từ đầu và tạo điều kiện để sản phẩm có thể được sử dụng lâu hơn, tái sử dụng hoặc tái chế thuận lợi hơn.

Cách tiếp cận này cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với doanh nghiệp. Khi các quốc gia tăng cường kiểm soát sản phẩm nhựa dùng một lần, hàm lượng vật liệu tái chế hoặc khả năng tái chế của bao bì, doanh nghiệp xuất khẩu có thể phải thay đổi vật liệu, thiết kế bao bì và quy trình sản xuất để đáp ứng yêu cầu của từng thị trường. Nếu các quốc gia sử dụng những cách phân loại hoặc tiêu chí khác nhau, chi phí tuân thủ có thể gia tăng đáng kể. Do đó, tiêu chuẩn và sự hài hòa về yêu cầu kỹ thuật có vai trò quan trọng. Các tiêu chí thống nhất hơn về khả năng tái chế, hàm lượng nhựa tái chế, khả năng phân hủy hoặc đặc tính của vật liệu thay thế có thể giúp doanh nghiệp hiểu rõ yêu cầu của thị trường và hạn chế việc phải chứng minh lại cùng một đặc tính theo nhiều phương pháp khác nhau.

Một vấn đề khác được các Thành viên WTO quan tâm là khả năng nhận diện chính xác dòng chảy thương mại nhựa. Hiện nay, các sản phẩm liên quan đến nhựa có thể nằm trong rất nhiều nhóm hàng khác nhau, khiến việc xác định lượng nhựa được giao dịch quốc tế và theo dõi các sản phẩm thay thế gặp nhiều khó khăn. Theo kế hoạch của DPP, một hội thảo dự kiến diễn ra vào tháng 11/2026 sẽ thảo luận về các phương pháp thống kê và phân loại hải quan, cùng với các sản phẩm và vật liệu thay thế nhựa. Việc cải thiện hệ thống phân loại có thể giúp các cơ quan quản lý hiểu rõ hơn nhựa được sản xuất, sử dụng và trao đổi qua biên giới như thế nào, qua đó hỗ trợ việc xây dựng chính sách dựa trên dữ liệu.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi cũng đặt ra thách thức đối với các nền kinh tế đang phát triển. Thay thế vật liệu, thiết kế lại sản phẩm, đầu tư công nghệ tái chế hay đáp ứng các tiêu chuẩn mới đều đòi hỏi nguồn lực kỹ thuật và tài chính. Vì vậy, DPP xác định hỗ trợ kỹ thuật, xây dựng năng lực và tiếp cận công nghệ là những vấn đề cần được lồng ghép trong quá trình thảo luận. Các nhu cầu của nước đang phát triển, nước kém phát triển và các quốc đảo nhỏ đang phát triển được coi là một phần của chương trình làm việc, thay vì một vấn đề tách biệt.

Đối với Việt Nam, xu hướng này đặc biệt đáng chú ý khi nhiều thị trường xuất khẩu đang tăng cường các yêu cầu về bao bì, nhựa dùng một lần, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất và thiết kế sản phẩm theo hướng tuần hoàn. Những thay đổi này có thể tác động không chỉ đến ngành nhựa mà còn đến thực phẩm, đồ uống, dệt may, điện tử và nhiều nhóm hàng sử dụng bao bì nhựa.

Đối thoại DPP hiện có 83 Thành viên đồng bảo trợ, đại diện gần 90% thương mại nhựa toàn cầu. Quy mô tham gia này cho thấy vấn đề nhựa đang dần chuyển từ một nội dung môi trường riêng lẻ thành một chủ đề có ảnh hưởng rõ nét đến chính sách thương mại và chuỗi cung ứng.

Thương mại tự nó không thể giải quyết ô nhiễm nhựa. Nhưng nếu các chính sách thương mại, tiêu chuẩn, công nghệ và mô hình kinh tế tuần hoàn được kết nối tốt hơn, thương mại có thể giúp phổ biến những sản phẩm, vật liệu và giải pháp ít gây tác động đến

môi trường hơn. Trong quá trình đó, thách thức quan trọng là bảo đảm rằng các biện pháp nhằm giảm ô nhiễm nhựa vừa đạt được mục tiêu môi trường, vừa minh bạch, có khả năng thực hiện và không tạo ra những rào cản thương mại không cần thiết.

Nguồn: WTO, DPP co-sponsors identify priority areas, advance on workplan towards MC15, 07/7/2026.

https://www.wto.org/english/news_e/news26_e/ppesp_07jul26_447_e.htm



DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC**TỪ 1/8/2026 – 10/8/2026**

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Ấn Độ	1	Quy định đăng ký bắt buộc đối với hàng hóa điện tử và công nghệ thông tin.
Brazil	6	Sửa đổi dấu nhận diện sự phù hợp đối với dây điện, cáp điện, ắc quy chì-axit dùng cho xe cơ giới, đệm mút polyurethane, đệm lò xo, dụng cụ nấu bằng kim loại, lốp xe mới, bật lửa gas, đèn và bộ đèn LED và một số sản phẩm thuộc diện đánh giá sự phù hợp.
Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	1	Quy chuẩn kỹ thuật đối với máy đo mức âm và thiết bị hiệu chuẩn âm thanh.
Chile	6	Cập nhật và ban hành hướng dẫn về nghiên cứu sinh khả dụng, tương đương sinh học đối với dược phẩm; sửa đổi quy định đối với mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy và các trang thiết bị an toàn của phương tiện cơ giới.
Costa Rica	2	Yêu cầu hiệu suất năng lượng đối với bếp, mặt bếp và lò nướng điện gia dụng; yêu cầu kỹ thuật đối với bảng điện, cầu dao nhiệt-từ, công tắc, ổ cắm, phích cắm và đầu nối điện.
Đài Loan	1	Yêu cầu kiểm tra pháp lý đối với thép hình chữ H cán nóng qua gia công thứ cấp đơn giản.
Đan Mạch	1	Quy định bổ sung về vận hành thiết bị bay không người lái (drone).
Ecuador	2	Sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật đối với ván gỗ dán; phương tiện bảo vệ cá nhân đối với mặt và mắt.
Ghana	1	Quy chuẩn bắt buộc về phê duyệt kiểu loại đối với phương tiện cơ giới loại L.
Hàn Quốc	3	Sửa đổi quy định về ghi nhãn và quảng cáo thực phẩm; ghi nhãn thực phẩm biến đổi gen; sửa đổi quy định về thử nghiệm và kiểm tra trong lĩnh vực thực phẩm và dược phẩm.

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Hoa Kỳ	13	Quy định về an toàn chuỗi cung ứng thiết bị thông tin liên lạc; chứng nhận pháo hoa chuyên nghiệp; chứng nhận máy bay và hệ thống động lực; bộ dụng cụ y tế khẩn cấp trên máy bay; tiêu chuẩn an toàn phương tiện và hệ thống ghế trẻ em; khả năng tiếp cận nhà vệ sinh trên máy bay; hệ thống cảnh báo và an ninh mạng; tiếng ồn tàu cao tốc; thiết bị bay không người lái; tiêu chuẩn an toàn xe cơ giới; sử dụng băng tần và hệ thống đo cao vô tuyến.
Indonesia	5	Quy định bắt buộc tiêu chuẩn quốc gia Indonesia đối với phân bón, đường tinh luyện, thép thanh dùng cho mục đích chung và sodium tripolyphosphate; hướng dẫn hệ thống bảo đảm sản phẩm Halal đối với thuốc tự nhiên, quasi-drugs và thực phẩm bổ sung sức khỏe.
Israel	1	Hoãn áp dụng một số quy định ghi nhãn đối với thịt chế biến và cá nhập khẩu.
Jordan	1	Tiêu chuẩn đối với gạo.
Liên minh châu Âu	3	Sửa đổi yêu cầu về thức ăn chăn nuôi hữu cơ cho lợn con và gia cầm; không phê duyệt một số hoạt chất sử dụng trong sản phẩm diệt khuẩn; thiết lập tiêu chí xác định thời điểm chất thải nhựa chấm dứt tư cách chất thải.
Malawi	4	Tiêu chuẩn đối với hỗn hợp ngô-đậu tương; nước khoáng thiên nhiên; nước uống đóng gói; thực phẩm giàu protein từ ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ.
Nhật Bản	2	Sửa đổi quy định chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật đối với thiết bị vô tuyến lắp đặt trên ô tô; sửa đổi quy định quản lý một số hợp chất PFHxS.
Pháp	1	Yêu cầu đối với việc đưa ra thị trường và sử dụng dịch chiết và trà compost làm vật liệu phân bón.
Trung Quốc	14	Yêu cầu an toàn đối với dây và cáp điện; hệ thống nổi đất; băng tải; xơ tái chế cơ học; hàn đường ống polyethylene cấp khí; hiệu suất năng lượng đối với thiết bị gia nhiệt ngành dầu khí, thiết bị lọc bụi, máy nước nóng bơm nhiệt, thiết bị gia dụng và thể thao; yêu cầu an toàn đối với vòi nước lõi gốm; vật liệu polyurethane cách nhiệt; giới hạn chất nguy hại trong polyurethane nhiệt dẻo; giới hạn phóng xạ trong vật liệu xây dựng.



Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Uganda	1	Tiêu chuẩn đối với nhiệt kế hồng ngoại dùng để đo nhiệt độ cơ thể người bệnh.
Ukraina	2	Bãi bỏ một số quy định liên quan đến ghi nhãn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi; sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm mỹ phẩm.
Việt Nam	3	Dự thảo QCVN về an toàn và bảo vệ môi trường đối với xe tốc độ thấp; xe cơ giới bốn bánh chở hàng; dự thảo Luật An toàn thực phẩm thay thế Luật An toàn thực phẩm năm 2010.
Vương quốc Anh	2	Đề xuất phân loại và ghi nhãn bắt buộc đối với 20 chất hóa học nguy hiểm; thu hồi phê duyệt hoạt chất Dimethomorph.



TIN CẢNH BÁO 21/7/2026 – 31/7/2026

Trung Quốc đề xuất yêu cầu an toàn đối với xơ tái chế cơ học



Ngày 10/8/2026, Trung Quốc thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia quy định yêu cầu kỹ thuật an toàn chung đối với xơ tái chế cơ học (mechanically recycled fibre).

Theo thông báo, dự thảo quy định thuật ngữ và định nghĩa, phân loại, yêu cầu kỹ thuật an toàn chung, quy tắc kiểm tra, ghi nhãn và các phương pháp thử tương ứng đối với xơ tái chế cơ học. Quy định áp dụng trong quá trình sản xuất, gia công và kinh doanh các sản phẩm này.

Biện pháp áp dụng đối với xơ tái chế cơ học thuộc các nhóm HS 5104 và 520291, bao gồm xơ tái chế từ len hoặc lông động vật và xơ bông tái chế. Thông báo của Trung Quốc được WTO lưu hành với mã G/TBT/N/CHN/2304.

Đây là nội dung đáng chú ý đối với các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực dệt may, sản xuất sợi và nguyên liệu dệt tái chế có hoạt động xuất khẩu hoặc cung ứng nguyên liệu cho thị trường Trung Quốc. Khi tiêu chuẩn được ban hành, doanh nghiệp có thể cần rà soát các yêu cầu về chất lượng, an toàn, phương pháp thử, kiểm tra và ghi nhãn đối với các loại xơ tái chế thuộc phạm vi điều chỉnh.

Mục tiêu của biện pháp là bảo vệ sức khỏe, an toàn của con người, bảo vệ người tiêu dùng, phòng ngừa hành vi gây hiểu lầm và bảo đảm chất lượng sản phẩm.

Thời gian dự kiến thông qua và có hiệu lực hiện chưa được xác định.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 09/10/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/CHN/26_04151_00_x.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/CHN/2304.



Liên minh châu Âu đề xuất tiêu chí xác định thời điểm chất thải nhựa chấm dứt tư cách chất thải



Ngày 06/8/2026, Liên minh châu Âu (EU) thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban châu Âu thiết lập các tiêu chí thống nhất để xác định thời điểm chất thải nhựa chấm dứt tư cách chất thải (*end-of-waste*).

Theo thông báo, dự thảo thiết lập bộ tiêu chí áp dụng thống nhất trên toàn EU đối với các polymer nhựa nhiệt dẻo và hỗn hợp polymer nhiệt dẻo bị thải bỏ, không phân biệt loại polymer và nguồn phát sinh, có khả năng được sử dụng làm nguyên liệu cho quá trình tái chế cơ học hoặc tái chế bằng dung môi.

Đáng chú ý, các tiêu chí này cũng áp dụng đối với doanh nghiệp tại các nước ngoài EU có nhu cầu đưa nhựa tái chế vào thị trường EU với tư cách là sản phẩm đã chấm dứt tình trạng chất thải. Do đó, biện pháp có thể liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực thu gom, xử lý, tái chế và xuất khẩu nguyên liệu nhựa tái chế sang EU.

Khi quy định được áp dụng, doanh nghiệp có nhu cầu xuất khẩu nhựa tái chế sang EU dưới tư cách hàng hóa thay vì chất thải cần lưu ý các tiêu chí mới để chứng minh vật liệu đáp ứng điều kiện chấm dứt tư cách chất thải. Việc không đáp ứng các tiêu chí có thể dẫn tới việc lô hàng tiếp tục chịu các yêu cầu quản lý áp dụng đối với chất thải.

Mục tiêu của dự thảo là xây dựng thị trường thống nhất đối với nhựa tái chế và nguyên liệu thứ cấp trong EU, giảm gánh nặng hành chính và chi phí vận chuyển chất thải cho các cơ sở tái chế, đồng thời bảo đảm nguồn cung vật liệu tái chế có chất lượng và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

Dự kiến biện pháp được thông qua vào **tháng 10/2026**. Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu và bắt đầu áp dụng sau khoảng 06 tháng theo lộ trình quy định tại dự thảo.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày **20/9/2026** để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

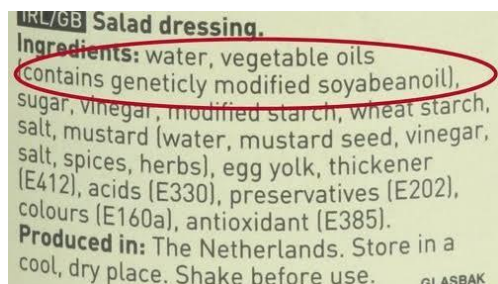
https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/EEC/26_04102_00_e.pdf

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/EEC/26_04102_01_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/EU/1229.



Ecuador sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật đối với vật liệu ma sát dùng trong hệ thống phanh ô tô



Ngày 07/8/2026, Hàn Quốc thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc sửa đổi thời điểm có hiệu lực của một số yêu cầu trong “Tiêu chuẩn ghi nhãn đối với thực phẩm biến đổi gen” (*Labelling Standards for Genetically Modified Foods*).

Theo thông báo, Hàn Quốc đề xuất đưa thời điểm áp dụng yêu cầu ghi nhãn đối với đường và các sản phẩm đường, dầu và chất béo ăn được từ ngày 31/12/2027 lên ngày 31/12/2026, tức sớm hơn một năm so với lộ trình đã thông báo trước đây. Các nội dung khác của biện pháp trước đó không được đề xuất thay đổi.

Biện pháp liên quan đến các nhóm thực phẩm được quy định trong Bộ luật Thực phẩm Hàn Quốc, bao gồm nước tương, đường và các sản phẩm đường, dầu và chất béo ăn được, trong đó có các sản phẩm thuộc HS 15, HS 17 và HS 210310. Thông báo bổ sung này được xác nhận với mã **G/TBT/N/KOR/1345/Add.1**.

Đây là nội dung cần lưu ý đối với các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất, chế biến và xuất khẩu các nhóm thực phẩm liên quan sang thị trường Hàn Quốc. Việc rút ngắn một năm thời gian chuẩn bị đồng nghĩa doanh nghiệp thuộc phạm vi áp dụng cần chủ động rà soát sớm hơn thành phần nguyên liệu, nguồn nguyên liệu biến đổi gen, hồ sơ sản phẩm và nội dung ghi nhãn để bảo đảm đáp ứng yêu cầu trước thời điểm quy định có hiệu lực.

Mục tiêu của việc sửa đổi là tăng cường tính minh bạch của thông tin thực phẩm và hỗ trợ người tiêu dùng đưa ra lựa chọn dựa trên thông tin được cung cấp.

Theo đề xuất, yêu cầu ghi nhãn đối với đường và sản phẩm đường, dầu và chất béo ăn được sẽ được áp dụng từ ngày **31/12/2026**.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày **04/10/2026** để tham gia đóng góp ý kiến.



Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crattachments/2026/TBT/KOR/modification/26_0418_00_x.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/KOR/1345/Add.1.



DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TBT MỚI BAN HÀNH

TT	Loại văn bản/số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Thông tư 16/2026/TT-BNV	Thông tư 16/2026/TT-BNV quy định Danh mục sản phẩm, hàng hoá có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ	Cập nhật: 28/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-33-2026-TT-BCT-Danh-muc-hang-hoa-co-muc-do-rui-ro-trung-binh-muc-do-rui-ro-cai-710258.aspx
2	Nghị quyết 13/2026/UBTVQH 16	Nghị quyết 13/2026/UBTVQH16 hướng dẫn Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành	Cập nhật: 28/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-54-VBHN-BCT-2026-Thong-tu-huong-dan-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-713284.aspx
3	Thông tư 42/2026/TT-BCT	Thông tư 42/2026/TT-BCT quy định Danh mục chi tiết hàng hóa lưỡng dụng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	Cập nhật: 29/07/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-57-VBHN-BCT-2026-Nghi-dinh-huong-dan-Luat-quan-ly-ngoai-thuong-713283.aspx

4	Nghị định 302/2026/NĐ-CP	Nghị định 302/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa	Cập nhật: 01/08/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Van-ban-hop-nhat-55-VBHN-BCT-2026-Nghi-dinh-huong-dan-Luat-thuong-mai-ve-xuc-tien-thuong-mai-713549.aspx
5	Nghị quyết 217/NQ-CP năm 2026	Nghị quyết 217/NQ-CP năm 2026 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam	Cập nhật: 06/08/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Thong-tu-98-2026-TT-BQP-chung-nhan-He-thong-quan-ly-chat-luong-co-so-san-xuat-san-pham-quoc-phong-713744.aspx



Quan ngại thương mại của Liên minh châu Âu đối với các biện pháp thực hành nông nghiệp tốt của Ả-rập Xê-út

1. Dự thảo “Các tiêu chuẩn sản xuất động vật – Thực hành nông nghiệp tốt của Ả-rập Xê-út”

Ngày 17/3/2025, Vương quốc Ả-rập Xê-út thông báo cho các Thành viên WTO dự thảo “Các tiêu chuẩn sản xuất động vật – Thực hành nông nghiệp tốt của Ả-rập Xê-út” (Animal Production Standards – Saudi Good Agricultural Practices) theo Thông báo G/TBT/N/SAU/1392 (ID 899) và tạo cơ hội để các Thành viên WTO đưa ra ý kiến.

Tại phiên họp tháng 3/2026 của Ủy ban Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của WTO, Liên minh châu Âu đã nêu quan ngại đối với biện pháp này, đặc biệt liên quan đến việc triển khai Thực hành nông nghiệp tốt của Ả-rập Xê-út, trong đó có việc áp dụng đối với sản xuất gia cầm.

2. Quan ngại của Liên minh châu Âu

Liên minh châu Âu (EU) ghi nhận quyền của Ả-rập Xê-út trong việc theo đuổi các tiêu chuẩn cao về tính bền vững trong sản xuất nông nghiệp và hoàn toàn ủng hộ các nỗ lực cải thiện an toàn thực phẩm, tính bền vững, phúc lợi động vật và bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, EU bày tỏ quan ngại nghiêm trọng về việc triển khai Thực hành nông nghiệp tốt của Ả-rập Xê-út, đặc biệt đối với sản xuất gia cầm.

EU cho rằng các yêu cầu của Thực hành nông nghiệp tốt của Ả-rập Xê-út đặt ra các nghĩa vụ rất chi tiết và trên phạm vi rộng đối với các cơ sở sản xuất trong nhiều lĩnh vực, bao gồm an toàn thực phẩm, nông nghiệp bền vững, quyền của người lao động, phúc lợi động vật và bảo vệ môi trường. Nhiều yêu cầu trong số này vượt ra ngoài các đặc tính của bản thân sản phẩm và khó có thể dung hòa với khuôn khổ pháp lý của EU, vốn cũng đặt ra các yêu cầu ở mức cao.

EU đặc biệt quan ngại về các yêu cầu liên quan đến người lao động trong toàn bộ chuỗi cung ứng, như việc lưu giữ hồ sơ y tế chi tiết và dữ liệu cá nhân của tất cả nhân viên,



bao gồm giới tính, ngày sinh và địa chỉ. Theo EU, những nghĩa vụ này có thể không phù hợp với khuôn khổ pháp lý của EU về bảo vệ dữ liệu và đặt ra vấn đề về tính tương xứng.

EU cũng quan ngại rằng các biện pháp này có thể dẫn đến sự phân biệt đối xử trên thực tế (de facto discrimination) giữa sản phẩm trong nước và sản phẩm nhập khẩu, do các nhà sản xuất trong nước có thể có điều kiện thuận lợi hơn để đáp ứng một số yêu cầu về thủ tục và hành chính. EU cho rằng vấn đề này đặt ra quan ngại liên quan đến Điều 2.1 của Hiệp định TBT và, đối với các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, Điều 2.3 của Hiệp định SPS.

Bên cạnh đó, EU cho rằng biện pháp này có thể hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết để đạt được mục tiêu đã nêu là cải thiện tính bền vững của chuỗi cung ứng gia cầm, xét theo Điều 2.2 của Hiệp định TBT.

Theo EU, các yêu cầu về báo cáo và thủ tục hành chính trên phạm vi rộng có thể tạo ra gánh nặng đáng kể cho doanh nghiệp, có khả năng làm các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ không muốn tham gia thương mại với Ả-rập Xê-út, từ đó làm giảm cạnh tranh và có thể đi ngược lại mục tiêu về tính bền vững.

EU cũng lưu ý những tác động có thể có đối với chiến lược an ninh lương thực rộng hơn của Ả-rập Xê-út, do gánh nặng quản lý quá lớn và khả năng gây gián đoạn dòng chảy thương mại có thể ảnh hưởng đến tính ổn định và bền vững của nguồn cung lương thực.

Cuối cùng, EU bày tỏ quan ngại về năng lực của các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong việc xử lý tất cả các hồ sơ đăng ký và đơn đăng ký theo yêu cầu trong thời gian phù hợp.

EU đề nghị Ả-rập Xê-út xem xét và giải quyết các ý kiến nêu trên, kể cả trong thời điểm việc triển khai biện pháp đã được thực hiện trong một khoảng thời gian. EU khẳng định sẵn sàng tiếp tục trao đổi mang tính xây dựng với Ả-rập Xê-út nhằm hỗ trợ các mục tiêu về tính bền vững, đồng thời bảo đảm sự phù hợp với các nghĩa vụ trong WTO.

3. Phản hồi của Ả-rập Xê-út

Đại diện Ả-rập Xê-út cảm ơn EU đã nêu quan ngại liên quan đến Các tiêu chuẩn sản xuất động vật – Các tiêu chuẩn sản xuất gia cầm – Thực hành nông nghiệp tốt của Ả-rập Xê-út.

Ả-rập Xê-út làm rõ rằng Thực hành nông nghiệp tốt của Ả-rập Xê-út là một chương trình chứng nhận quốc gia áp dụng đối với cả nhà sản xuất trong nước và nước ngoài, nhằm bảo đảm tuân thủ các yêu cầu của Ả-rập Xê-út về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc,

tuân thủ các yêu cầu về môi trường, phúc lợi động vật, an toàn sinh học và thực hành quản lý trang trại có trách nhiệm.

Ả-rập Xê-út cho biết biện pháp này nhằm tăng cường truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng, cải thiện tính bền vững về môi trường và bảo đảm phúc lợi động vật. Đồng thời, biện pháp hướng tới cải thiện quy trình nhập khẩu thông qua việc đơn giản hóa các thủ tục đánh giá sự phù hợp trước khi hàng hóa đến.

Ả-rập Xê-út cho rằng vị trí của nước này trong chỉ số thương mại xuyên biên giới, cùng với việc Thực hành nông nghiệp tốt của Ả-rập Xê-út phù hợp với các khuôn khổ thực hành nông nghiệp tốt được quốc tế công nhận như GLOBAL G.A.P., Red Tractor và các nguyên tắc của Ủy ban Codex Alimentarius, thể hiện cam kết của Ả-rập Xê-út trong việc tăng cường tạo thuận lợi thương mại và đạt được sự hài hòa về quy định phù hợp với các thông lệ quốc tế tốt nhất.

Ả-rập Xê-út khẳng định các tiêu chuẩn về thực hành nông nghiệp tốt đối với sản xuất gia cầm được xây dựng dựa trên các hướng dẫn và tiêu chuẩn được quốc tế công nhận nhằm bảo đảm tính nhất quán với các thông lệ quốc tế. Theo Ả-rập Xê-út, các hướng dẫn và tiêu chuẩn này là cần thiết để thực hiện mục tiêu cải thiện tính bền vững của chuỗi cung ứng gia cầm.

Ả-rập Xê-út cũng khẳng định cam kết thúc đẩy một hệ thống lương thực bền vững và có khả năng chống chịu, phù hợp với chiến lược an ninh lương thực rộng hơn của nước này, đồng thời thực hiện các nghĩa vụ trong WTO.

Ả-rập Xê-út cho biết các yêu cầu kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở khoa học và dựa trên các tài liệu tham chiếu được quốc tế công nhận của FAO, WHO và OIE, phù hợp với Điều 2 của Hiệp định TBT.

Ả-rập Xê-út cho biết đã xem xét các ý kiến của các Thành viên WTO liên quan đến Thực hành nông nghiệp tốt của Ả-rập Xê-út nhằm bảo đảm biện pháp phù hợp với các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận và các thông lệ quản lý đã được thiết lập.

Ngoài ra, Bộ Môi trường, Nước và Nông nghiệp Ả-rập Xê-út sẵn sàng tổ chức các hội thảo cho các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết bất kỳ quan ngại nào liên quan đến biện pháp Thực hành nông nghiệp tốt của Ả-rập Xê-út.

Ả-rập Xê-út tái khẳng định cam kết về tính minh bạch với các Thành viên WTO, hoan nghênh việc tiếp tục hợp tác với EU và bày tỏ sẵn sàng tiếp tục các cuộc thảo luận song phương để giải quyết các quan ngại một cách mang tính xây dựng.



LIÊN MINH CHÂU ÂU — CÁC BIỆN PHÁP CẤM NHẬP KHẨU VÀ BUÔN BÁN CÁC SẢN PHẨM TỪ HẢI CẦU (DS 401) (Phần 3)

(Tiếp...)

Ở phần trước, Vụ tranh chấp DS401 – Liên minh châu Âu – Các biện pháp cấm nhập khẩu và buôn bán các sản phẩm từ hải cẩu phát sinh từ việc EU ban hành quy định hạn chế, về cơ bản cấm đưa các sản phẩm từ hải cẩu vào thị trường EU, đồng thời thiết lập một số ngoại lệ, trong đó có ngoại lệ đối với sản phẩm từ hoạt động săn bắt của người Inuit và cộng đồng bản địa. Na Uy cho rằng các biện pháp này không phù hợp với một số nghĩa vụ của EU theo Hiệp định TBT, GATT 1994 và Hiệp định Nông nghiệp của WTO. Ngày 5/11/2009, Na Uy yêu cầu tham vấn với EU; sau quá trình tham vấn không giải quyết được tranh chấp, vụ việc được đưa ra Ban hội thẩm WTO vào năm 2011.

Diễn biến tiếp theo của vụ việc như sau:

3. Vi phạm TBT:

Quy trình đánh giá sự phù hợp vi phạm Điều 5.1.2 Hiệp định TBT do thương mại đã bị hạn chế ngay từ ngày quy định có hiệu lực.

4. Bác bỏ:

Bác bỏ các cáo buộc theo Điều XI:1 GATT 1994 và Điều 4.2 Hiệp định Nông nghiệp.

Giai đoạn Phúc thẩm & Áp dụng:

- Tháng 01/2014: Na Uy và EU lần lượt kháng cáo lên Cơ quan Phúc thẩm.
- 22/05/2014: Cơ quan Phúc thẩm ban hành báo cáo.

- 18/06/2014: DSB chính thức thông qua báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm và Ban Báo cáo (đã sửa đổi).

III. Thời gian Hợp lý để Thực thi (Reasonable Period of Time)

- 10/07/2014: EU thông báo ý định thực thi các khuyến nghị và phán quyết của DSB.
- 05/09/2014: Na Uy và EU thống nhất thời hạn thực thi cho EU là **16 tháng** (kết thúc vào ngày 18/10/2015).

III. KẾT LUẬN

Vụ tranh chấp giữa Na Uy và Liên minh Châu Âu về "Quy chế Hải cẩu EU" đã khép lại tiến trình giải quyết tại Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DSB) thuộc WTO với các điểm cốt lõi sau:

- **Tự do hóa thương mại và Đạo đức công cộng:** Phán quyết của Ban Báo cáo và Cơ quan Phúc thẩm ghi nhận quyền của Thành viên WTO (cụ thể là EU) trong việc áp dụng các biện pháp thương mại nhằm bảo vệ "đạo đức công cộng" (phúc lợi động vật) theo Điều 2.2 Hiệp định TBT. Cả hai cơ quan đều kết luận rằng lệnh cấm tổng thể đối với sản phẩm hải cẩu đáp ứng mục tiêu này.

- **Xác định vi phạm do sự phân biệt đối xử:** Mặc dù ghi nhận mục tiêu chính đáng của EU, WTO kết luận EU đã **vi phạm nghĩa vụ không phân biệt đối xử**:

- **Ngoại lệ dành cho người Inuit/cộng đồng bản địa (IC exception)** vi phạm Điều I:1 GATT 1994 (Đối xử tối huệ quốc - MFN) do tạo lợi thế cho sản phẩm từ Greenland mà không dành ưu đãi tương tự ngay lập tức và không điều kiện cho Na Uy.

- **Ngoại lệ quản lý nguồn lợi hải sản (MRM exception)** vi phạm Điều III:4 GATT 1994 (Đối xử quốc gia - NT) do tạo lợi thế cho sản phẩm nội địa EU so với sản phẩm nhập khẩu.

Các ngoại lệ này **không được bảo hộ bởi các điều khoản ngoại lệ chung** (Điều XX GATT 1994) do cách thức áp dụng cấu thành sự phân biệt đối xử bất hợp lý và độc đoán.



- **Hạn chế về quy trình kỹ thuật:** Các thủ tục đánh giá sự phù hợp của EU bị xác định là vi phạm Điều 5.1.2 Hiệp định TBT do không bảo đảm tính khả thi cho thương mại hợp lệ ngay khi quy định có hiệu lực.

- **Thực thi và Thời hạn tuân thủ:** Sau khi DSB chính thức thông qua báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm và Ban Báo cáo (đã sửa đổi) vào ngày 18/06/2014, EU đã chấp nhận phán quyết và cam kết điều chỉnh quy chế để phù hợp với các nghĩa vụ WTO. Hai bên đã thống nhất gia hạn khoảng thời gian hợp lý (Reasonable Period of Time) là **16 tháng**, ấn định thời hạn hoàn tất thực thi vào ngày **18/10/2015**.



BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

Số 02 tháng 8/2026

www.tbt.gov.vn



Thương mại số và bài toán thu hẹp khoảng cách số



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

MỤC LỤC

Vấn đề hôm nay

3

Thương mại số và bài toán thu hẹp khoảng cách số



Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

6

Danh mục thông báo TBT đã tiếp nhận từ 11/8/2026 - 20/8/2026

9

Tin cảnh báo TBT số 02 tháng 8/2026

15

Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TBT mới ban hành

Quan ngại thương mại

17

Quan ngại thương mại của Liên minh châu Âu đối với quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương



Tranh chấp thương mại về TBT của WTO

20

Úc — Một số biện pháp liên quan đến nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và các yêu cầu khác về bao bì trơn áp dụng đối với sản phẩm thuốc lá và bao bì thuốc lá (DS 467) (Phần 1)



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

Thương mại số và bài toán thu hẹp khoảng cách số

Thương mại quốc tế đang ngày càng diễn ra trên môi trường số. Từ việc doanh nghiệp tìm kiếm khách hàng, ký kết hợp đồng, thanh toán đến cung cấp trực tiếp các dịch vụ qua biên giới, công nghệ số đang làm thay đổi cách hàng hóa và dịch vụ được sản xuất, phân phối và tiếp cận thị trường.



Ngày 02/7/2026, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Tổ chức Quốc tế Pháp ngữ (OIF) công bố báo cáo Digital Trade and Regulatory Frameworks: Levers for Inclusive Growth, tập trung phân tích vai trò của các khuôn khổ pháp lý trong việc khai thác tiềm năng của thương mại số, đồng thời đặt ra vấn đề làm thế nào để quá trình số hóa mang lại lợi ích rộng rãi hơn cho các nền kinh tế và doanh nghiệp ở những trình độ phát triển khác nhau.

Sự phát triển của thương mại số đang mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường theo cách mà thương mại truyền thống khó có thể thực hiện. Một doanh nghiệp nhỏ không nhất thiết phải xây dựng mạng lưới phân phối vật lý tại nước ngoài mới có thể tiếp cận người tiêu dùng quốc tế. Các nền tảng trực tuyến, dịch vụ thanh toán điện tử và công cụ số có thể giúp giảm chi phí tìm kiếm khách hàng, giao dịch và cung cấp dịch vụ.

Nhưng cơ hội này không tự động được phân bổ đồng đều.



Theo WTO và OIF, khả năng tận dụng thương mại số phụ thuộc đáng kể vào chất lượng hạ tầng kỹ thuật số, năng lực của doanh nghiệp và người lao động, cũng như môi trường pháp lý của mỗi nền kinh tế. Khoảng cách về khả năng kết nối, kỹ năng số và năng lực thể chế có thể khiến các quốc gia đang phát triển khó tận dụng đầy đủ những cơ hội do thương mại số mang lại. Điều này khiến khoảng cách số ngày càng có nguy cơ trở thành khoảng cách về khả năng tham gia thương mại. Khi hoạt động kinh doanh chuyển nhanh lên môi trường trực tuyến, doanh nghiệp thiếu kết nối ổn định, công nghệ phù hợp hoặc kỹ năng cần thiết có thể gặp bất lợi ngay từ trước khi sản phẩm tiếp cận thị trường quốc tế.

Bên cạnh hạ tầng, một thách thức khác là sự khác biệt ngày càng lớn giữa các khuôn khổ pháp lý. Thương mại số liên quan đồng thời đến nhiều vấn đề như giao dịch điện tử, chữ ký điện tử, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, thanh toán điện tử và luồng dữ liệu qua biên giới. Các quốc gia đều có lý do chính đáng để xây dựng quy định trong những lĩnh vực này. Tuy nhiên, nếu các yêu cầu được xây dựng theo những cách quá khác nhau, doanh nghiệp có thể phải thích ứng với nhiều hệ thống pháp luật và yêu cầu kỹ thuật khác nhau khi cung cấp cùng một dịch vụ tại nhiều thị trường.

Tổng Giám đốc WTO Ngozi Okonjo-Iweala cho rằng các quy định hiệu quả và những cải cách có mục tiêu có thể hỗ trợ hội nhập thương mại, nhưng đồng thời cảnh báo về rủi ro của việc môi trường số ngày càng bị phân mảnh. Vì vậy, vấn đề không đơn giản là có nhiều hay ít quy định, mà là các quy định có tạo ra một môi trường đủ rõ ràng, nhất quán và có khả năng tương tác để doanh nghiệp hoạt động xuyên biên giới hay không.

Một môi trường pháp lý có tính dự đoán có ý nghĩa đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các tập đoàn lớn thường có nguồn lực để nghiên cứu và đáp ứng yêu cầu khác nhau tại từng thị trường, trong khi chi phí pháp lý và tuân thủ có thể trở thành rào cản đáng kể đối với doanh nghiệp nhỏ.

Do đó, thúc đẩy thương mại số bao trùm không chỉ là vấn đề phát triển thêm nền tảng hay đưa nhiều doanh nghiệp lên môi trường trực tuyến. Các nước còn cần xây dựng thể chế phù hợp, tăng cường năng lực kỹ thuật, đầu tư vào hạ tầng số và thúc đẩy hợp tác quốc tế.

[Báo cáo WTO-OIF](#) đặc biệt nhấn mạnh vai trò của việc chia sẻ kiến thức và thực tiễn tốt, cũng như tăng cường năng lực cho các nước đang phát triển. Nếu những yếu tố này không được cải thiện song song với tốc độ số hóa của thương mại, khoảng cách giữa những nền kinh tế có khả năng khai thác công nghệ và những nền kinh tế còn hạn chế về hạ tầng có thể tiếp tục mở rộng.

Ở góc độ doanh nghiệp, quá trình này cũng đặt ra những yêu cầu mới. Khả năng cạnh tranh trong thương mại số ngày càng phụ thuộc không chỉ vào giá cả và chất lượng sản phẩm mà còn vào năng lực xử lý dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin, xác thực giao dịch, đáp

ứng yêu cầu về quyền riêng tư và tạo dựng niềm tin của khách hàng trên môi trường trực tuyến.

Đối với các nền kinh tế đang phát triển, trong đó có Việt Nam, thương mại số mở ra cơ hội để doanh nghiệp tiếp cận thị trường quốc tế với chi phí thấp hơn và tham gia vào các chuỗi giá trị theo những phương thức mới. Tuy nhiên, để chuyển cơ hội thành lợi ích thực tế cần đồng thời nâng cao chất lượng hạ tầng, kỹ năng số, năng lực của doanh nghiệp và khả năng thích ứng của hệ thống pháp luật.

Số hóa đang làm giảm một số rào cản truyền thống của thương mại, nhưng cũng tạo ra những dạng rào cản mới. Vì vậy, mục tiêu của chính sách thương mại trong kỷ nguyên số không chỉ là thúc đẩy nhiều giao dịch trực tuyến hơn, mà còn phải tạo ra một môi trường trong đó doanh nghiệp ở nhiều quy mô và các nền kinh tế ở những trình độ phát triển khác nhau đều có khả năng tham gia. Khi thương mại ngày càng gắn với dữ liệu và công nghệ, thu hẹp khoảng cách số cũng chính là một phần của bài toán thu hẹp khoảng cách trong thương mại toàn cầu.

Nguồn: WTO – OIF, WTO-OIF report highlights the transformative impact of digital trade for an inclusive global economy, 02/7/2026.

https://www.wto.org/english/news_e/news26_e/dtech_02jul26_439_e.htm



DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC**TỪ 11/8/2026 – 20/8/2026**

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Ai Cập	3	Tiêu chuẩn đối với bếp gas gia dụng sử dụng LPG; yêu cầu ghi nhãn về tiêu thụ nhiên liệu/năng lượng và phát thải đối với xe loại M1; tiêu chuẩn đối với túi nicotine không chứa thuốc lá.
Ả Rập Xê Út	1	Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt đối với người không dung nạp gluten.
Bahrain	1	Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt đối với người không dung nạp gluten.
Brazil	4	Giới hạn tối đa chất ô nhiễm trong thực phẩm; Chương trình nhiên liệu hàng không bền vững quốc gia; khung pháp lý và chương trình phát triển hydro carbon thấp; quy cách và kiểm soát chất lượng biomethane dùng cho phương tiện và các công trình dân dụng, công nghiệp, thương mại.
Burundi	2	Yêu cầu kỹ thuật đối với dolomit và vôi đá vôi dùng làm chất cải tạo khoáng; tiêu chuẩn đối với phân bón hữu cơ.
Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	1	Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt đối với người không dung nạp gluten.
Chile	3	Yêu cầu đối với tấm thép phủ tạo hình nguội dùng trong xây dựng; cửa và cửa sổ bằng nhôm; phương pháp thử đối với lá cửa gỗ phẳng.
Cộng hòa Séc	1	Yêu cầu đo lường, kỹ thuật, thử nghiệm, phê duyệt kiểu và kiểm định đối với nhiệt kế dùng trong kiểm tra nhiệt độ thực phẩm.
Đài Loan	5	Kiểm định và kiểm tra đồng hồ nước; hạn chế sử dụng và ghi nhãn inulin sản xuất bằng fructosyltransferase làm thành phần thực phẩm; kiểm tra pháp lý đối với thiết bị nguồn và hệ thống chuyển đổi công suất; mở rộng kiểm tra bắt buộc đối với hệ thống lưu trữ năng lượng lithium cố định; phê duyệt kiểu đối với đồng hồ khí siêu âm.

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Hàn Quốc	4	Sửa đổi tiêu chuẩn kỹ thuật đối với phương tiện cơ giới và linh kiện; ghi nhãn thực phẩm biến đổi gen; sửa đổi Dược điển thảo dược Hàn Quốc; tiêu chí xác minh an toàn đối với xe đạp.
Hoa Kỳ	4	Đánh giá rủi ro đối với ethylene dibromide và dichlorobenzene theo TSCA; cập nhật Chương trình đánh giá xe mới (NCAP); chương trình hiệu suất đối với lốp xe thay thế tại California.
Jordan	4	Thực phẩm cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ không chủ yếu từ ngũ cốc; tiêu chuẩn đối với ngũ cốc ăn sáng, bánh maamoul và bột đông lạnh.
Kenya	1	Quy phạm thực hành đối với đồ uống từ ngũ cốc.
Kuwait	2	Thực phẩm dành cho người không dung nạp gluten; công bố chất gây dị ứng trong thực đơn của các cơ sở cung cấp thực phẩm cho người tiêu dùng ngoài gia đình.
Liên minh châu Âu	4	Sửa đổi quy định phân loại, ghi nhãn và bao gói hóa chất; phương pháp tính và xác minh hàm lượng cobalt, nickel, lithium và chì tái chế trong một số loại pin; danh mục sản phẩm hữu cơ nhập khẩu có rủi ro cao và tỷ lệ kiểm soát; hạn chế hương liệu gây dị ứng và một số hóa chất trong đồ chơi.
Mexico	1	Sửa đổi yêu cầu kỹ thuật đối với thiết bị đầu cuối di động liên quan đến dịch vụ phát sóng di động phục vụ thông báo rủi ro và tình huống khẩn cấp.
New Zealand	6	Sửa đổi hệ thống pháp lý trong lĩnh vực nông nghiệp; quy định về sản phẩm và sản xuất hữu cơ; tiêu chuẩn nhóm đối với hạt giống đã xử lý; cấm nhập khẩu nitrous oxide; đánh giá lại bifenthrin và các sản phẩm chứa bifenthrin.
Nhật Bản	1	Bổ sung các chất có khả năng tác động đến hệ thần kinh trung ương vào danh mục chất được quản lý theo pháp luật về dược phẩm và thiết bị y tế.
Oman	1	Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt đối với người không dung nạp gluten.
Panama	1	Áp dụng Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) đối với phân loại nguy hại, nhãn và phiếu an toàn hóa chất.



Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Peru	4	Sửa đổi quy định ghi nhãn hiệu suất năng lượng đối với thiết bị sử dụng năng lượng; sửa đổi quy chuẩn đối với xi măng thủy lực; mức hiệu suất năng lượng tối thiểu đối với nguồn sáng; bổ sung các phụ lục về ghi nhãn hiệu suất năng lượng.
Philippines	1	Quy định chứng nhận sản phẩm bắt buộc đối với sản phẩm nhôm.
Qatar	1	Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt đối với người không dung nạp gluten.
Rwanda	3	Tiêu chuẩn đối với lạc phủ; bột khoai lang ruột vàng/cam tăng cường vi chất dạng phối trộn ăn liền; hỗn hợp làm bánh.
Thái Lan	3	Tiêu chuẩn đối với sữa dê và sữa dê có hương vị; yêu cầu đối với người phụ trách sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh một số thiết bị y tế; điều kiện kinh doanh thiết bị y tế nha khoa.
Trung Quốc	32	Mức hiệu suất năng lượng đối với máy hàn, tivi và đầu thu truyền hình, bình nước nóng khí, máy photocopy, máy in, máy quét, quạt, động cơ, máy hút ẩm, thiết bị lạnh y tế, bình nước nóng điện và tháp giải nhiệt; yêu cầu an toàn đối với thang máy, thiết bị thể thao, thiết bị trợ thị, thiết bị vui chơi quy mô lớn, chăn chữa cháy, xe đạp, phương tiện vận tải đường bộ và thiết bị gia nhiệt công nghiệp; yêu cầu đối với thuốc lá nung nóng, chống hàng giả, khí thải máy móc phi đường bộ, crom (VI) trong xi măng, vật liệu nổ và sản xuất rèn.
Ukraina	2	Sửa đổi quy định về ghi nhãn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi; sửa đổi pháp luật về an toàn hóa chất và quản lý hóa chất.
Uruguay	2	Sửa đổi các quy định MERCOSUR về phụ gia thực phẩm; phụ gia và chất hỗ trợ chế biến đối với món tráng miệng từ sữa.
Việt Nam	1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị sạc điện cho xe điện.
Yemen	1	Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt đối với người không dung nạp gluten.



TIN CẢNH BÁO 11/7/2026 – 20/7/2026

Liên minh châu Âu đề xuất giới hạn một số hóa chất trong đồ chơi trẻ em



Ngày 11/8/2026, Liên minh châu Âu (EU) thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo sửa đổi Phụ lục II của Chỉ thị 2009/48/EC về an toàn đồ chơi liên quan đến hương liệu gây dị ứng, bisphenol A, phenol và benzisothiazolinone.

Theo dự thảo, EU đề xuất bổ sung Lilial vào danh sách các hương liệu gây dị ứng bị cấm sử dụng trong đồ chơi. Đồng thời, dự thảo bãi bỏ việc viện dẫn các tiêu chuẩn EN 71-10 và EN 71-11 như phương pháp thử bắt buộc đối với bisphenol A, phenol và benzisothiazolinone trong đồ chơi.

Đáng chú ý, giới hạn di chuyển của bisphenol A (BPA) trong đồ chơi được đề xuất giảm xuống còn 0,005 mg/l, qua đó siết chặt hơn yêu cầu kiểm soát hóa chất đối với sản phẩm dành cho trẻ em.

Biện pháp áp dụng đối với các sản phẩm được thiết kế hoặc dự định sử dụng, dù không hoàn toàn dành riêng, cho hoạt động vui chơi của trẻ em dưới 14 tuổi.

Đây là nội dung cần lưu ý đối với doanh nghiệp Việt Nam sản xuất và xuất khẩu đồ chơi, linh kiện đồ chơi và các sản phẩm dành cho trẻ em sang EU. Doanh nghiệp cần rà soát thành phần nguyên liệu, hương liệu, nhựa, lớp phủ và các vật liệu có khả năng chứa BPA hoặc các chất thuộc phạm vi sửa đổi.

Việc giảm đáng kể giới hạn BPA cũng có thể làm phát sinh nhu cầu thử nghiệm lại sản phẩm hoặc nguyên liệu, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp kiểm soát chặt hơn hồ sơ kỹ thuật và thông tin từ nhà cung cấp nguyên liệu.

Mục tiêu của dự thảo là tăng cường bảo vệ sức khỏe và an toàn của trẻ em trước nguy cơ tiếp xúc với các hóa chất và hương liệu có khả năng gây ảnh hưởng bất lợi.

Dự kiến biện pháp được thông qua và có hiệu lực trong quý IV/2026. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 10/10/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/EEC/26_04191_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/EU/1231



Brazil ban hành giới hạn tối đa đối với chất ô nhiễm trong thực phẩm



Ngày 17/8/2026, Brazil thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc chính thức ban hành quy định liên quan đến giới hạn tối đa cho phép đối với chất ô nhiễm trong thực phẩm.

Theo thông báo, Dự thảo Nghị quyết số 1311 ngày 25/2/2025, trước đây đã được Brazil thông báo tới WTO, đã được thông qua dưới hình thức Hướng dẫn quy phạm (Normative

Instruction – IN) số 463 ngày 05/8/2026.

Quy định thiết lập các giới hạn tối đa cho phép đối với chất ô nhiễm trong thực phẩm, áp dụng đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ thực phẩm. Mục tiêu của biện pháp là duy trì sự hài hòa với các tiêu chuẩn được xây dựng trong khuôn khổ MERCOSUR, đồng thời bảo vệ sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng.

Đây là nội dung đáng chú ý đối với doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu thực phẩm và sản phẩm thực phẩm chế biến sang Brazil. Khi quy định đã chính thức được thông qua, doanh nghiệp cần rà soát các yêu cầu về giới hạn chất ô nhiễm áp dụng đối với từng nhóm sản phẩm, đặc biệt đối với các mặt hàng có nguy cơ phát sinh chất ô nhiễm từ nguyên liệu, quá trình sản xuất, chế biến hoặc bảo quản.

Doanh nghiệp cũng cần lưu ý rằng việc đáp ứng yêu cầu có thể liên quan đến kiểm soát nguyên liệu đầu vào, quy trình sản xuất, kết quả thử nghiệm và hồ sơ chứng minh sản phẩm đáp ứng giới hạn quy định trước khi xuất khẩu.

Việc Brazil hài hòa các giới hạn với khuôn khổ MERCOSUR cũng cho thấy doanh nghiệp xuất khẩu sang khu vực này cần theo dõi không chỉ quy định riêng của từng quốc gia mà cả các yêu cầu kỹ thuật được xây dựng ở cấp khu vực.

Quy định đã được ban hành dưới hình thức Normative Instruction No. 463 ngày 05/8/2026. Thông báo bổ sung không quy định thời hạn lấy ý kiến do đây là biện pháp đã được thông qua.

Thông tin chi tiết của quy định xem tại trang thông tin pháp luật của Cơ quan Giám sát Y tế Quốc gia Brazil (ANVISA).

Mã thông báo: G/TBT/N/BRA/1586/Add.1.



Peru đề xuất mở rộng phạm vi ghi nhãn hiệu suất năng lượng cho 11 nhóm thiết bị



Ngày 14/8/2026, Peru thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Nghị định tối cao sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật về ghi nhãn hiệu suất năng lượng đối với thiết bị sử dụng năng lượng, được ban hành theo Nghị định tối cao số 009-2017-EM.

Theo thông báo, Peru đề xuất mở rộng phạm vi của hệ thống ghi nhãn hiệu suất năng lượng hiện hành thông qua việc bổ sung 11 phụ lục mới áp dụng cho các nhóm thiết bị sử dụng năng lượng.

Các sản phẩm được bổ sung gồm tivi; bếp từ; lò vi sóng; thiết bị điện, điện tử và thiết bị văn phòng ở chế độ chờ; lò nướng điện; lò nướng điện di động; quạt đứng và quạt treo tường; quạt trần; máy rửa bát; thiết bị điều khiển nguồn sáng LED và tương tự; bếp sử dụng nhiên liệu khí.

Đối với từng nhóm sản phẩm, dự thảo đưa ra các tiêu chuẩn hoặc phương pháp thử dùng để xác định hiệu suất năng lượng. Nhiều tiêu chuẩn quốc tế và khu vực được viện dẫn, trong đó có các tiêu chuẩn IEC liên quan đến đo mức tiêu thụ điện của tivi, thiết bị ở chế độ chờ, lò vi sóng, lò nướng, máy rửa bát và thiết bị điều khiển nguồn sáng LED.

Đây là nội dung cần lưu ý đối với doanh nghiệp Việt Nam sản xuất hoặc xuất khẩu thiết bị điện, điện tử và đồ gia dụng sang thị trường Peru. Khi quy định được áp dụng, các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh có thể phải đáp ứng yêu cầu về thử nghiệm hiệu suất năng lượng và thể hiện thông tin tương ứng trên nhãn trước khi được nhập khẩu và kinh doanh tại Peru.

Doanh nghiệp cần chủ động xác định sản phẩm của mình thuộc phụ lục nào, rà soát phương pháp thử đang áp dụng và đối chiếu với tiêu chuẩn được Peru viện dẫn. Đối với những model đã lưu thông trên thị trường, việc mở rộng phạm vi quản lý có thể làm phát

sinh yêu cầu bổ sung kết quả thử nghiệm, hồ sơ đánh giá sự phù hợp hoặc điều chỉnh thiết kế nhẵn.

Việc bổ sung thêm nhiều nhóm hàng cũng cho thấy Peru đang mở rộng chính sách quản lý hiệu suất năng lượng từ các thiết bị truyền thống sang các sản phẩm điện tử, thiết bị nhà bếp và thiết bị văn phòng ngày càng phổ biến.

Mục tiêu của biện pháp là cung cấp thông tin về hiệu suất năng lượng cho người tiêu dùng và mở rộng phạm vi quản lý đối với các thiết bị sử dụng năng lượng.

Thời gian dự kiến thông qua hiện chưa được xác định. Quy định dự kiến có hiệu lực sau 12 tháng kể từ ngày được công bố trên Công báo El Peruano. Trong lúc đó, Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 13/10/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/PER/26_04251_00_s.pdf

Mã thông báo: *G/TBT/N/PER/181*.

Hàng rào kỹ thuật

DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TBT MỚI BAN HÀNH

TT	Loại văn bản/số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Quyết định 1516/QĐ-TTg năm 2026	Quyết định 1516/QĐ-TTg năm 2026 về Kế hoạch hành động thực hiện biện pháp khắc phục khuyến nghị của Ủy ban châu Âu tại đợt thanh tra lần thứ 5 về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định do Thủ tướng Chính phủ ban hành	Cập nhật: 10/08/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyet-dinh-1516-QD-TTg-2026-bien-phap-khac-phuc-khuyen-nghi-chong-khai-thac-hai-san-bat-hop-phap-719048.aspx
2	Thông báo 421/TB-VPCP	Thông báo 421/TB-VPCP năm 2026 về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng tại cuộc họp về tình hình sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu sầu riêng do Văn phòng Chính phủ ban hành	Cập nhật: 11/08/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Thong-bao-421-TB-VPCP-2026-ket-luan-cuoc-hop-ve-tinh-hinh-san-xuat-xuat-khau-sau-rieng-719653.aspx
3	Quyết định 946/QĐ-BNV	Quyết định 946/QĐ-BNV năm 2026 công bố thủ tục hành chính mới, bị bãi bỏ liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ	Cập nhật: 11/08/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Quyet-dinh-946-QD-BNV-2026-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-An-toan-ve-sinh-lao-dong-719164.aspx

4	Quyết định 2040/QĐ-BCT	Quyết định 2040/QĐ-BCT năm 2026 công bố thủ tục hành chính mới và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương	Cập nhật: 14/08/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Quyet-dinh-2040-QD-BCT-2026-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-sua-doi-Xuat-nhap-khau-720566.aspx
5	Nghị định 323/2026/NĐ-CP	Nghị định 323/2026/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết 20/2026/QH16 về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Cập nhật: 17/08/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Nghi-dinh-323-2026-ND-CP-huong-dan-Nghi-quet-20-2026-QH16-720541.aspx



Quan ngại thương mại của Liên minh châu Âu đối với quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

1. Thông tin về biện pháp

Ngày 29/01/2026, Việt Nam đã thông báo cho Ủy ban về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Tổ chức Thương mại thế giới (Ủy ban TBT/WTO) dự thảo “Thông tư quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương” tới các Thành viên WTO.

Tại phiên họp tháng 3/2026 của Ủy ban TBT/WTO, Liên minh châu Âu (EU) đã nêu quan ngại đối với dự thảo Thông tư này.

2. Quan ngại của Liên minh châu Âu

Liên minh châu Âu cảm ơn các cơ quan chức năng của Việt Nam đã thông báo dự thảo Thông tư về truy xuất nguồn gốc sản phẩm và tiếp tục trao đổi với các Thành viên WTO. EU ghi nhận tầm quan trọng của truy xuất nguồn gốc như một công cụ chính sách nhằm hỗ trợ bảo đảm an toàn sản phẩm, bảo vệ người tiêu dùng và giám sát thị trường, đồng thời ủng hộ các mục tiêu quản lý chính đáng của Việt Nam trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, EU đưa ra một số nhận xét ban đầu liên quan đến tính minh bạch, phạm vi áp dụng và tính tương xứng của khuôn khổ truy xuất nguồn gốc được đề xuất, theo đó hệ thống này dường như được áp dụng theo chiều ngang đối với nhiều loại sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Trước hết, về tính minh bạch, EU lưu ý rằng từ tháng 10/2025 đã có một số phiên bản dự thảo Thông tư được lưu hành, trong đó có các phiên bản được công bố sau khi Việt Nam thực hiện thông báo TBT WTO vào ngày 29/01/2026. Phiên bản mới nhất mà các bên liên quan có thể tiếp cận mang ngày 01/02/2026. Theo EU, việc văn bản dự thảo tiếp tục được thay đổi như vậy khiến các Thành viên WTO và các chủ thể kinh tế gặp khó khăn trong việc đánh giá đầy đủ biện pháp và tác động tiềm tàng của biện pháp. Vì vậy, EU khuyến nghị Việt Nam bảo đảm rằng phiên bản được thông báo tới WTO phản ánh chính xác nội dung văn bản dự kiến được ban hành, phù hợp với mục tiêu minh bạch của Hiệp định TBT.



Thứ hai, liên quan đến thiết kế quy định, EU quan ngại rằng hệ thống truy xuất nguồn gốc được đề xuất dường như vượt ra ngoài thông lệ quốc tế. Tại EU và nhiều khu vực pháp lý khác, việc truy xuất nguồn gốc được thực hiện thông qua các hệ thống tương xứng, dựa trên hồ sơ sẵn có của các chủ thể kinh doanh và mã lô hoặc mã mẻ của nhà sản xuất. Theo EU, các hệ thống này đã chứng minh hiệu quả trong việc hỗ trợ thu hồi nhanh sản phẩm và thực thi pháp luật mà không yêu cầu trao đổi dữ liệu theo thời gian thực với cơ quan quản lý hoặc cho phép cơ quan quản lý truy cập trực tiếp vào hệ thống công nghệ thông tin nội bộ của các chủ thể kinh doanh.

Trong khi đó, theo nhận định của EU, dự thảo Thông tư dường như yêu cầu các chủ thể kinh doanh kết nối với một hệ thống số tập trung do cơ quan quản lý vận hành, thực hiện trao đổi dữ liệu hai chiều và cung cấp quyền truy cập ngay lập tức vào các thông tin thương mại chi tiết. EU quan ngại rằng nếu các yêu cầu này được áp dụng rộng rãi và không có sự phân biệt phù hợp, chúng có thể tạo ra gánh nặng đáng kể về hành chính và kỹ thuật, đặc biệt đối với các chủ thể nước ngoài, đồng thời đặt ra các vấn đề liên quan đến bảo vệ thông tin kinh doanh mật.

Từ góc độ WTO, EU viện dẫn Điều 2.2 của Hiệp định TBT, theo đó các quy chuẩn kỹ thuật không được hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết để thực hiện các mục tiêu chính đáng, cũng như Điều 2.1 của Hiệp định TBT về yêu cầu không đối xử phân biệt đối với hàng hóa nhập khẩu. Trên cơ sở đó, EU đề nghị Việt Nam đánh giá kỹ lưỡng liệu có các biện pháp thay thế ít hạn chế thương mại hơn nhưng vẫn có thể đạt được cùng mục tiêu hay không.

EU cũng nhấn mạnh rằng một số nhóm sản phẩm, như rượu vang và đồ uống có cồn mạnh, thường được coi là các sản phẩm có mức độ rủi ro thấp và thường được nhập khẩu dưới dạng hàng hóa hoàn chỉnh, đã được đóng kín, không tham gia vào chuỗi sản xuất trong nước. Theo EU, việc áp dụng đối với các sản phẩm này một hệ thống truy xuất nguồn gốc phức tạp, riêng biệt theo yêu cầu của Việt Nam có thể không mang lại lợi ích bổ sung về an toàn, đồng thời có nguy cơ tạo ra các trở ngại không cần thiết đối với thương mại. Do đó, EU đề nghị Việt Nam xem xét miễn áp dụng đối với các sản phẩm có mức độ rủi ro thấp này hoặc, tối thiểu, sử dụng mã lô của nhà sản xuất làm công cụ chính để thực hiện truy xuất nguồn gốc.

Cuối cùng, EU cho biết dự kiến sẽ gửi các ý kiến bằng văn bản chi tiết hơn trong giai đoạn sau, khi có thêm thông tin rõ ràng về phạm vi cuối cùng và việc thực hiện Thông tư. EU mong muốn tiếp tục đối thoại với các cơ quan chức năng của Việt Nam và đề nghị dành

đủ thời gian để các ý kiến của các Thành viên WTO được xem xét đầy đủ, bao gồm thông qua các giai đoạn chuyển tiếp phù hợp. EU khẳng định tiếp tục cam kết trao đổi mang tính xây dựng với Việt Nam nhằm hỗ trợ xây dựng các hệ thống truy xuất nguồn gốc hiệu quả, tương xứng và minh bạch, vừa đáp ứng mục tiêu quản lý vừa tạo thuận lợi cho thương mại, phù hợp với Hiệp định TBT.

3. Phản hồi của Việt Nam

Đại diện Việt Nam cảm ơn EU đã nêu quan ngại liên quan đến dự thảo Thông tư quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Việt Nam ghi nhận các ý kiến liên quan do EU đưa ra và cho biết sẽ thông tin các ý kiến này tới các cơ quan có liên quan, đồng thời xem xét các ý kiến của EU.

Việt Nam cũng bày tỏ mong muốn tiếp tục trao đổi với EU về vấn đề này thông qua các cuộc họp song phương được tổ chức bên lề phiên họp chính thức tháng 3/2026 của Ủy ban WTO/TBT.



ÚC — MỘT SỐ BIỆN PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN NHÃN HIỆU, CHỈ DẪN ĐỊA LÝ VÀ CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BAO BÌ TRƠN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM THUỐC LÁ VÀ BAO BÌ THUỐC LÁ. (DS 467) (Phần 1)

Úc — Một số biện pháp liên quan đến nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và các yêu cầu khác về bao bì trơn áp dụng đối với sản phẩm thuốc lá và bao bì thuốc lá là một tranh chấp WTO giữa **Indonesia và Úc**, xoay quanh chính sách **bao bì thuốc lá trơn (plain packaging)** của Úc. Vụ việc đặc biệt đáng chú ý đối với lĩnh vực **TBT** vì Indonesia khiếu kiện chính sách này theo cả **Hiệp định TBT, TRIPS và GATT 1994**, qua đó đặt ra vấn đề về mối quan hệ giữa quyền điều tiết của thành viên WTO nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và các nghĩa vụ thương mại quốc tế.

1. Bối cảnh và biện pháp bị khiếu kiện

Úc ban hành chính sách bao bì thuốc lá trơn nhằm hạn chế việc sử dụng các yếu tố thiết kế, màu sắc, biểu tượng và nhãn hiệu trên bao bì thuốc lá có khả năng làm tăng sức hấp dẫn của sản phẩm. Các biện pháp chủ yếu được Úc áp dụng thông qua Luật bao gói trơn thuốc lá 2011 (Tobacco Plain Packaging Act 2011), Quy định về bao gói trơn 2011 (Tobacco Plain Packaging Regulations 2011), các sửa đổi liên quan đến các quy định này và Sửa đổi về Thương hiệu (Trade Marks Amendment) (Tobacco Plain Packaging) Act 2011.

Theo cơ chế này, bao bì thuốc lá phải tuân thủ các yêu cầu chặt chẽ về hình thức trình bày. Việc sử dụng thương hiệu trên bao bì bị giới hạn đáng kể, trong khi phần lớn diện tích bao bì được dành cho các cảnh báo sức khỏe và thông tin bắt buộc. Chính sách này được áp dụng đối với các sản phẩm thuốc lá nói chung, không phân biệt nguồn gốc trong nước hay nhập khẩu.

Indonesia, với tư cách là bên khiếu kiện, cho rằng các quy định của Úc làm hạn chế khả năng sử dụng nhãn hiệu hàng hóa (trademarks) và chỉ dẫn địa lý (geographical indications)

của các doanh nghiệp thuốc lá, đồng thời tạo ra những hạn chế đối với thương mại. Indonesia cho rằng các biện pháp này không phù hợp với một loạt nghĩa vụ của Úc theo Hiệp định TRIPS, Hiệp định TBT và GATT 1994.

Indonesia yêu cầu tham vấn với Úc ngày 20/9/2013 và yêu cầu thành lập Ban hội thẩm ngày 3/3/2014. Ban hội thẩm được thành lập ngày 26/3/2014. Vụ việc có số lượng lớn bên thứ ba tham gia, trong đó có Brazil, Canada, Trung Quốc, Cuba, Liên minh châu Âu, Guatemala, Honduras, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Mexico, New Zealand, Na Uy, Philippines, Nga, Hoa Kỳ, Uruguay và nhiều thành viên WTO khác. Điều này cho thấy tranh chấp có ý nghĩa rộng đối với việc áp dụng các biện pháp quản lý sản phẩm có liên quan đến sức khỏe cộng đồng và quyền sở hữu trí tuệ.

2. Các nghĩa vụ WTO mà Indonesia viện dẫn

Indonesia khiếu kiện Úc trên ba nhóm nghĩa vụ chính.

Thứ nhất là Hiệp định TBT, đặc biệt là Điều 2.1 và Điều 2.2. Điều 2.1 liên quan đến nghĩa vụ bảo đảm rằng các quy chuẩn kỹ thuật không đối xử kém thuận lợi đối với sản phẩm nhập khẩu so với sản phẩm tương tự trong nước hoặc sản phẩm tương tự có xuất xứ từ các nước khác. Điều 2.2 yêu cầu các quy chuẩn kỹ thuật không được tạo ra hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết để đạt được một mục tiêu chính đáng, có tính đến những rủi ro mà việc không đạt được mục tiêu đó có thể gây ra.

Trong vụ việc này, Điều 2.2 TBT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi Úc giải thích rằng mục tiêu của chính sách bao bì trơ là bảo vệ sức khỏe con người, cụ thể là giảm tỷ lệ hút thuốc và các tác hại liên quan đến việc sử dụng thuốc lá. Do đó, vấn đề đặt ra là liệu các yêu cầu về bao bì trơ có tạo ra hạn chế thương mại vượt quá mức cần thiết để đạt mục tiêu bảo vệ sức khỏe hay không.

Thứ hai là Hiệp định TRIPS. Indonesia viện dẫn nhiều điều khoản liên quan đến việc đăng ký, sử dụng và bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa và chỉ dẫn địa lý, bao gồm Điều 2.1, 3.1, 15.4, 16.1, 16.3, 20, 22.2(b) và 24.3. Các lập luận tập trung vào việc các yêu cầu bao bì trơ làm hạn chế quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu trong việc sử dụng và khai thác thương hiệu của mình trên sản phẩm thuốc lá.

Thứ ba là Điều III:4 của GATT 1994, liên quan đến nguyên tắc đối xử quốc gia đối với hàng hóa. Indonesia cho rằng các quy định về bao bì của Úc có thể tạo ra sự đối xử kém thuận lợi đối với hàng nhập khẩu.

Điều 2.1 của Hiệp định TBT quy định các Thành viên WTO phải bảo đảm rằng, đối với các quy chuẩn kỹ thuật, sản phẩm nhập khẩu từ lãnh thổ của bất kỳ Thành viên nào được đối xử không kém thuận lợi so với sản phẩm tương tự có xuất xứ trong nước và sản phẩm tương tự có xuất xứ từ bất kỳ nước nào khác. Do đó, để xác định một biện pháp có vi phạm Điều 2.1 hay không, về cơ bản cần xem xét vấn đề đối xử kém thuận lợi đối với sản phẩm nhập khẩu so với sản phẩm nội địa hoặc sản phẩm nhập khẩu từ nước khác, trên cơ sở xác định sản phẩm có phải là "sản phẩm tương tự" hay không.

Trong yêu cầu thành lập Ban hội thẩm, Indonesia cho rằng các quy định kỹ thuật của Úc về bao bì và hình thức trình bày sản phẩm thuốc lá đối xử kém thuận lợi đối với thuốc lá nhập khẩu so với sản phẩm thuốc lá có nguồn gốc Úc, qua đó vi phạm Điều 2.1 TBT. Các biện pháp mà Indonesia khiếu kiện bao gồm các yêu cầu về hình thức, kích thước và vật liệu của bao bì bán lẻ; yêu cầu đối với hình thức của điều thuốc; cũng như các quy định hạn chế cách thức thể hiện thương hiệu và các dấu hiệu khác trên sản phẩm và bao bì.

Việc Indonesia lập luận theo Điều 2.1 tập trung vào khả năng các yêu cầu này làm thay đổi điều kiện cạnh tranh giữa thuốc lá nhập khẩu và thuốc lá nội địa, đặc biệt do các doanh nghiệp nước ngoài có thể phụ thuộc nhiều hơn vào các yếu tố thương hiệu, hình ảnh và thiết kế bao bì để phân biệt sản phẩm.

Đối với Điều 2.1 Hiệp định TBT, vấn đề không đơn thuần là việc quy định của Úc có áp dụng đối với thuốc lá nhập khẩu hay không. Các quy định về bao bì trơn được áp dụng đối với sản phẩm thuốc phạm vi điều chỉnh nói chung. Ở đây, Vấn đề pháp lý là liệu việc áp dụng cùng một quy định về bao bì đối với sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm nội địa có dẫn đến đối xử kém thuận lợi đối với sản phẩm nhập khẩu hay không.

Điều 2.1 TBT tập trung vào điều kiện cạnh tranh giữa các sản phẩm tương tự, chứ không chỉ xem xét sự khác biệt về mặt hình thức của quy định. Điều này phù hợp với cách Điều 2.1 được hiểu trong hệ thống giải quyết tranh chấp WTO.

Mặc dù Indonesia đã viện dẫn Điều 2...1 Hiệp định TBT nhưng Ban hội thẩm không xác định Úc có tuân thủ hay vi phạm Điều 2.1 Hiệp định TBT trên cơ sở nội dung của biện pháp và không đưa ra kết luận về yêu cầu này do chưa có đầy đủ lập luận.



BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

Số 03 tháng 8/2026

www.tbt.gov.vn



Tiêu chuẩn cho công nghệ mới: Cân bằng giữa đổi mới, an toàn và thuận lợi hóa thương mại



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

MỤC LỤC

Vấn đề hôm nay

3

Tiêu chuẩn cho công nghệ mới: Cân bằng giữa đổi mới, an toàn và thuận lợi hóa thương mại



Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

6

Danh mục thông báo TBT đã tiếp nhận từ 21/8/2026 - 31/8/2026

9

Tin cảnh báo TBT số 03 tháng 8/2026

15

Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TBT mới ban hành



Quan ngại thương mại

18

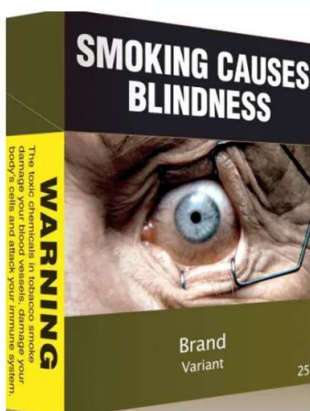
Quan ngại thương mại của Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Thụy Sĩ đối với quy định của Liên minh châu Âu về hàm lượng nhựa tái chế trong chai đồ uống bằng nhựa dùng một lần



Tranh chấp thương mại về TBT của WTO

23

Úc — Một số biện pháp liên quan đến nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và các yêu cầu khác về bao bì trơn áp dụng đối với sản phẩm thuốc lá và bao bì thuốc lá (DS 467) (Phần 2)



Tiêu chuẩn cho công nghệ mới: Cân bằng giữa đổi mới, an toàn và thuận lợi hóa thương mại

Sự phát triển nhanh của công nghệ đang đặt ra một bài toán ngày càng rõ đối với các cơ quan quản lý: làm thế nào xây dựng các yêu cầu về an toàn, chất lượng và môi trường đủ chặt chẽ để bảo vệ lợi ích công cộng nhưng không trở thành rào cản đối với đổi mới và thương mại quốc tế.



Đây cũng là một trong những nội dung trọng tâm được thảo luận tại cuộc họp của Ủy ban Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) diễn ra từ ngày 7-10/7/2026. Các Thành viên tập trung trao đổi về tiêu chuẩn đối với nhiều công nghệ quan trọng và mới nổi, từ công nghệ sinh học nông nghiệp, nhiên liệu sinh học, năng lượng sạch và lưu trữ năng lượng đến công trình thích ứng với biến đổi khí hậu và pin lithium-ion.

Điểm chung của những lĩnh vực này là tốc độ phát triển công nghệ thường nhanh hơn tốc độ xây dựng quy định. Một sản phẩm hoặc giải pháp mới có thể nhanh chóng được thương mại hóa trên nhiều thị trường, trong khi mỗi quốc gia lại có cách tiếp cận khác nhau đối với tiêu chuẩn kỹ thuật, thử nghiệm, chứng nhận và quản lý rủi ro. Nếu những khác biệt này quá lớn, doanh nghiệp có thể phải thiết kế cùng một sản phẩm theo nhiều bộ yêu cầu



khác nhau, thực hiện lại thử nghiệm hoặc chứng nhận tại từng thị trường. Điều đó không chỉ làm tăng chi phí mà còn có thể làm chậm quá trình đưa công nghệ mới vào ứng dụng.

Theo WTO, các cuộc thảo luận tại Ủy ban TBT cho thấy quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp nếu được thiết kế phù hợp có thể đồng thời hỗ trợ các mục tiêu về môi trường, an toàn và chính sách công, trong khi vẫn tạo điều kiện cho thương mại và đổi mới. Các yêu cầu cần có tính dự đoán được, khả thi, phù hợp với mục đích sử dụng và đủ linh hoạt để thích ứng với sự phát triển của công nghệ. Khi các thị trường cùng tham chiếu những tiêu chuẩn được quốc tế thừa nhận, doanh nghiệp có thể sử dụng một nền tảng kỹ thuật chung trong thiết kế, sản xuất và thử nghiệm sản phẩm. Điều này góp phần hạn chế tình trạng phân mảnh quy định, tạo điều kiện để kết quả đánh giá sự phù hợp được chấp nhận rộng rãi hơn và giúp công nghệ mới tiếp cận thị trường nhanh hơn.

Bên cạnh tiêu chuẩn, WTO cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của hạ tầng chất lượng, sự tham gia của các bên liên quan và hợp tác giữa các cơ quan quản lý. Đối với những công nghệ như pin lithium-ion hay hệ thống lưu trữ năng lượng, một tiêu chuẩn tốt sẽ khó phát huy hiệu quả nếu thiếu phòng thử nghiệm đủ năng lực, tổ chức chứng nhận phù hợp hoặc cơ chế giám sát thị trường đáng tin cậy.

Các quan ngại mới trải rộng từ sản phẩm hữu cơ, nhựa tái chế và nhiên liệu sinh học đến khử carbon trong công nghiệp, an ninh mạng, hộ chiếu sản phẩm số, phương tiện giao thông, đường sắt, thiết bị viễn thông, thực phẩm, dược phẩm và thiết bị y tế.

Tại cuộc họp lần này, Ủy ban đã thông qua thêm một số cải tiến đối với biểu mẫu thông báo và quy trình minh bạch. Các biểu mẫu mới liên quan đến Bộ Quy tắc thực hành tốt về xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn được thiết kế để giúp các Thành viên và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin hơn về hoạt động xây dựng tiêu chuẩn. WTO cũng giới thiệu chức năng thí điểm mới trên nền tảng ePing, cho phép hỗ trợ quá trình tham vấn trong nước và tổng hợp ý kiến đối với các quy định SPS và TBT do đối tác thương mại thông báo. Sự cải tiến này có ý nghĩa thực tế đối với doanh nghiệp. Thông báo TBT không đơn thuần là thông tin về một quy định sắp được ban hành. Khoảng thời gian lấy ý kiến trước khi quy định có hiệu lực chính là cơ hội để doanh nghiệp, hiệp hội và cơ quan quản lý đánh giá tác động, xác định những yêu cầu có thể gây khó khăn và gửi ý kiến tới nước thông báo.

Trong bối cảnh chuyển đổi xanh và chuyển đổi số đang diễn ra đồng thời, số lượng quy định kỹ thuật liên quan đến những lĩnh vực mới như pin, năng lượng sạch, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, hộ chiếu sản phẩm số hay phát thải carbon có thể tiếp tục tăng. Trong một thế giới mà công nghệ thay đổi ngày càng nhanh, tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng niềm tin đối với sản phẩm mới. Khi được thiết kế tốt, chúng không chỉ là công cụ quản lý rủi ro mà còn có thể trở thành nền

tăng giúp đổi mới sáng tạo được thương mại hóa và tiếp cận thị trường toàn cầu thuận lợi hơn.

Nguồn: https://www.wto.org/english/news_e/news26_e/tbt_10jul26_459_e.htm



DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC**TỪ 21/8/2026 – 31/8/2026**

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Armenia	1	Gia hạn giai đoạn chuyển tiếp và điều chỉnh lộ trình áp dụng các quy định của Liên minh Kinh tế Á-Âu đối với chế phẩm chẩn đoán, khử trùng, diệt côn trùng và diệt ve dùm trong thú y.
Ấn Độ	1	Sửa đổi quy định về thực phẩm an toàn và chế độ ăn cân bằng cho trẻ em tại trường học, bao gồm bổ sung định nghĩa đối với thực phẩm có hàm lượng chất béo, đường hoặc muối bổ sung cao.
Bolivia	1	Quy chuẩn kỹ thuật đối với xi măng thủy lực sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu, bao gồm yêu cầu về sự phù hợp trước khi lưu thông trên thị trường.
Brazil	1	Sửa đổi chức năng công nghệ, giới hạn tối đa và điều kiện sử dụng đối với phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến được phép sử dụng trong thực phẩm.
Canada	2	Yêu cầu chung về sự phù hợp đối với thiết bị vô tuyến; yêu cầu đối với thiết bị vô tuyến miễn giấy phép thuộc loại II.
Chile	1	Rà soát tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng đối với phương tiện cơ giới hạng nhẹ, có tính đến tiêu chuẩn khí thải Euro 6c và chuyển đổi từ chu trình thử NEDC sang WLTC.
Cộng hòa Séc	1	Yêu cầu đo lường, kỹ thuật và phương pháp thử đối với máy đo khối lượng riêng dao động dùng trong phòng thí nghiệm có kiểm soát hoặc tự động hiệu chỉnh nhiệt độ mẫu.
Đài Bắc Trung Hoa	1	Sửa đổi yêu cầu kiểm tra pháp lý đối với van dùng cho bình chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).
Ecuador	4	Quy chuẩn kỹ thuật đối với thép hình chữ h; tivi và đầu thu truyền hình số mặt đất theo tiêu chuẩn ISDB-T quốc tế; đăng ký và thực hành sản xuất tốt đối với sản phẩm tự nhiên chế biến dùng làm thuốc; sản phẩm đúc bằng gang xám và gang cầu.

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
El Salvador	1	Quy chuẩn kỹ thuật về cảnh giác dược đối với thuốc dùng cho người, bao gồm theo dõi, đánh giá và phòng ngừa phản ứng có hại và các vấn đề liên quan đến thuốc.
Hàn Quốc	3	Yêu cầu an toàn đối với pin lithium và pin sạc dự phòng; sửa đổi quy định về an toàn dược phẩm; áp dụng nhãn hiệu suất năng lượng mới sử dụng mã QR và cập nhật tiêu chuẩn hiệu suất đối với nhiều nhóm thiết bị điện, điện tử và thiết bị khí.
Hoa Kỳ	7	Sử dụng băng tần C cho dịch vụ viễn thông; đánh giá rủi ro hóa chất trans-1,2-dichloroethylene; đăng ký và ghi nhãn hệ thống ghế an toàn trẻ em; quy định sử dụng mới đối với một số hóa chất; tiêu chuẩn phân hạng năm; hạn chế nhập khẩu và kinh doanh một số thiết bị bay không người lái và linh kiện; chương trình hiệu suất đối với lốp xe thay thế tại California.
Indonesia	3	Áp dụng bắt buộc tiêu chuẩn SNI đối với kính an toàn dùng trong công trình và tắm kính; hướng dẫn thực hiện Hệ thống bảo đảm Halal đối với sản phẩm biến đổi gen; quy định về nhiệm vụ và trách nhiệm của người giám sát Halal.
Jordan	3	Tiêu chuẩn đối với hỗn hợp gia vị và thảo mộc khô; hạt Nigella sativa khô nguyên hạt và xay; kẹo cứng, kẹo mềm, nougat và bánh kẹo marzipan.
Liên minh châu Âu	1	Đề xuất khuôn khổ chứng nhận an ninh mạng của EU và các yêu cầu liên quan đến an ninh chuỗi cung ứng đối với sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông.
New Zealand	1	Quy định về giảm thiểu chất thải đối với hóa chất nông nghiệp và nhựa sử dụng trong nông nghiệp, bao gồm trách nhiệm sản phẩm, phí thu hồi và tái chế bắt buộc.
Nigeria	1	Chương trình ghi nhãn năng lượng bắt buộc đối với các thiết bị điện đã có tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng tối thiểu, như tủ lạnh, điều hòa, đèn, quạt, tivi, bình nước nóng và động cơ điện.
Peru	9	Sửa đổi quy định và các phụ lục về ghi nhãn hiệu suất năng lượng đối với nguồn sáng, chấn lưu, thiết bị lạnh, động cơ điện, máy giặt, máy sấy, điều hòa không khí và bình nước nóng; yêu cầu kiểm tra chấp nhận đối với công tơ điện tính đo điện năng tác dụng.

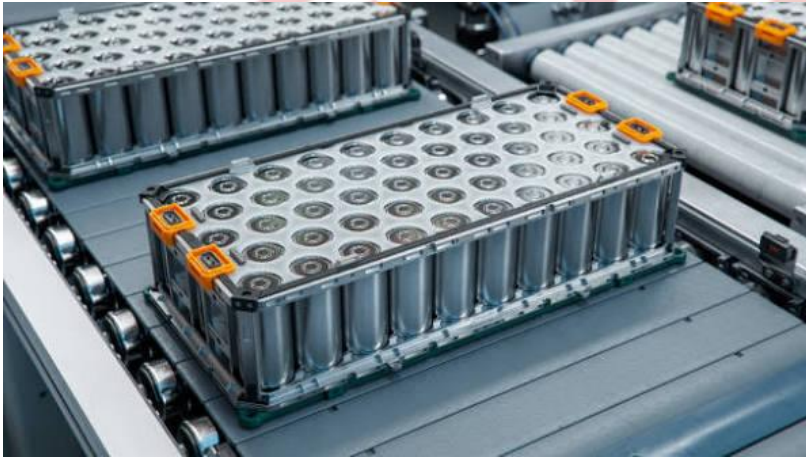


Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Tanzania	6	Tiêu chuẩn đối với kombucha, kimchi, dưa cải lên men, đồ uống gừng và nghệ; trang phục thobe nam và thảm cầu nguyện Hồi giáo.
Tây Ban Nha	1	Danh mục tên thương mại được phép sử dụng tại Tây Ban Nha đối với các loài thủy sản và sản phẩm nuôi trồng thủy sản dùng trong sản phẩm chế biến và bảo quản.
Thái Lan	3	Yêu cầu ghi nhãn đối với tấm pin năng lượng mặt trời, bộ nghịch lưu dùng cho hệ thống điện mặt trời và pin lưu trữ năng lượng từ hệ thống điện mặt trời.
Trung Quốc	6	Sửa đổi nhãn tiêu thụ năng lượng đối với xe hybrid sạc ngoài và xe điện; giới hạn tiêu thụ nhiên liệu đối với xe thương mại hạng nhẹ và xe con; quy định sử dụng Hệ đơn vị quốc tế SI; mức hiệu suất năng lượng đối với laser sợi quang và thiết bị làm sạch sàn.
Úc	1	Yêu cầu chứng nhận WaterMark đối với khớp nối dạng push-fit dùng để sửa chữa đường ống thoát nước vệ sinh thẳng đứng.
Việt Nam	4	Sửa đổi các quy định hướng dẫn Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; quy chuẩn đối với thiết bị lưu trữ và phân phối xăng E10 tại cửa hàng xăng dầu; sửa đổi danh mục hóa chất thuộc phạm vi quản lý.



TIN CẢNH BÁO 21/8/2026 – 31/8/2026

Hàn Quốc đề xuất tăng cường yêu cầu an toàn đối với pin lithium và pin sạc dự phòng



Ngày 27/8/2026, Hàn Quốc thông báo cho các nước Thành viên WTO về dự thảo sửa đổi hướng dẫn thực hiện Luật Kiểm soát an toàn thiết bị điện và sản phẩm tiêu dùng, cùng tiêu chuẩn an toàn đối với pin lithium thứ cấp.

Theo thông báo, Hàn Quốc đề xuất bổ sung tiêu chuẩn KC 62368-1 vào các yêu cầu an toàn áp dụng đối với pin sạc dự phòng (power bank). Đồng thời, phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn KC 62133-2 đối với pin lithium thứ cấp được mở rộng để bao gồm các sản phẩm có khối lượng không quá 18 kg.

Biện pháp áp dụng đối với pin và pin sạc dự phòng. Dự thảo có tham chiếu IEC 62133-2 và IEC 62368-1, là các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến yêu cầu an toàn đối với pin lithium và thiết bị công nghệ thông tin, truyền thông. Đây là nội dung cần lưu ý đối với doanh nghiệp Việt Nam sản xuất, lắp ráp hoặc xuất khẩu pin lithium, pin sạc dự phòng và các sản phẩm điện tử sử dụng pin sang thị trường Hàn Quốc. Việc bổ sung yêu cầu an toàn và mở rộng phạm vi áp dụng có thể dẫn đến nhu cầu rà soát lại thiết kế sản phẩm, kết quả thử nghiệm và hồ sơ chứng minh sự phù hợp.

Đặc biệt, đối với những sản phẩm trước đây nằm ngoài phạm vi KC 62133-2 do kích thước hoặc khối lượng, doanh nghiệp cần xác định lại liệu sản phẩm có thuộc diện quản lý sau khi quy định mới được áp dụng hay không.

Theo Hàn Quốc, mục tiêu của biện pháp này là nhằm bảo vệ sức khỏe, an toàn của con người và tăng cường hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế.

Thời gian dự kiến thông qua và có hiệu lực của dự thảo hiện chưa được xác định. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 26/10/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại mã thông báo: [G/TBT/N/KOR/1378](https://tbt.org/notifications/G/TBT/N/KOR/1378).



Indonesia áp dụng bắt buộc tiêu chuẩn quốc gia đối với kính an toàn dùng trong công trình

Ngày 31/8/2026, Indonesia thông báo cho các nước Thành viên WTO về Quy định số 22 năm 2026 của Bộ Công nghiệp liên quan đến việc bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia (SNI) đối với kính an toàn dùng trong công trình và tấm kính.



Theo thông báo, các sản phẩm kính an toàn được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu, phân phối và kinh doanh tại Indonesia phải đáp ứng các yêu cầu của SNI. Việc đáp ứng yêu cầu phải được chứng minh thông qua chứng nhận sản phẩm và sử dụng dấu SNI (SPPT-SNI).

Quy định áp dụng SNI 9144-1:2022 đối với kính an toàn nhiều lớp dùng trong công trình và SNI 9144-2:2022 đối với kính an toàn tôi nhiệt. Sản phẩm thuộc phạm vi các mã HS 700719 và 700729, trong đó bao gồm một số loại kính tôi và kính an toàn nhiều lớp.

Chứng nhận để sử dụng dấu SNI phải được cấp bởi tổ chức chứng nhận sản phẩm được Cơ quan Công nhận Quốc gia Indonesia (KAN) công nhận và được Bộ trưởng Bộ Công nghiệp chỉ định.

Đây là nội dung đáng chú ý đối với doanh nghiệp Việt Nam sản xuất và xuất khẩu kính xây dựng, kính tôi, kính nhiều lớp và các sản phẩm kính an toàn sang Indonesia. Khi biện pháp có hiệu lực, doanh nghiệp cần bảo đảm sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn SNI tương ứng, đồng thời chuẩn bị hồ sơ và thực hiện thủ tục chứng nhận trước khi đưa sản phẩm ra thị trường.

Đối với sản phẩm đã được sản xuất hoặc nhập khẩu trước khi quy định có hiệu lực, Indonesia cho phép tiếp tục lưu thông cho đến khi sản phẩm đến người sử dụng cuối cùng.

Mục tiêu của biện pháp là cung cấp thông tin cho người tiêu dùng, phòng ngừa hành vi gây hiểu lầm và bảo vệ sức khỏe, an toàn của con người.

Theo thông báo, ngày thông qua của biện pháp là 31/7/2026 và dự kiến sẽ có hiệu lực từ ngày 31/1/2027. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 30/10/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của quy định xem tại mã thông báo: [G/TBT/N/IDN/194](#).



Liên minh châu Âu đề xuất sửa đổi khuôn khổ chứng nhận an ninh mạng đối với sản phẩm ICT



Ngày 24/8/2026, Liên minh châu Âu (EU) thông báo cho các nước Thành viên WTO về đề xuất Quy định mới liên quan đến Cơ quan An ninh mạng Liên minh châu Âu (ENISA), khuôn khổ chứng nhận an ninh mạng châu Âu và an ninh chuỗi cung ứng ICT, còn được gọi là “Cybersecurity Act 2”.

Thông báo TBT tập trung vào Tiêu đề III của dự thảo, liên quan đến Khuôn khổ chứng nhận an ninh mạng châu Âu. Biện pháp áp dụng đối với các sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông (ICT).

Theo EU, đề xuất nhằm tăng cường năng lực và khả năng chống chịu về an ninh mạng, đồng thời hạn chế tình trạng phân mảnh giữa các chương trình chứng nhận trong thị trường nội khối. Khuôn khổ mới hướng tới xây dựng cách tiếp cận hài hòa hơn đối với chứng nhận an ninh mạng và sử dụng chứng nhận để hỗ trợ việc chứng minh tuân thủ các yêu cầu pháp luật có liên quan của EU.

Theo đề xuất, các chương trình chứng nhận an ninh mạng của EU có thể quy định ba mức bảo đảm gồm “cơ bản” (basic), “đáng kể” (substantial) và “cao” (high) tùy theo mức độ rủi ro của sản phẩm, dịch vụ hoặc quy trình ICT. Việc sử dụng chứng nhận nhìn chung là tự nguyện, trừ trường hợp pháp luật EU có quy định khác.

Đây là nội dung cần lưu ý đối với doanh nghiệp Việt Nam sản xuất hoặc cung cấp thiết bị ICT, thiết bị viễn thông, phần cứng và các sản phẩm công nghệ có hoạt động xuất khẩu sang EU. Khi các chương trình chứng nhận được xây dựng theo khuôn khổ mới, doanh nghiệp có thể cần theo dõi các yêu cầu kỹ thuật, mức bảo đảm và thủ tục đánh giá sự phù hợp áp dụng đối với từng nhóm sản phẩm.

DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TBT MỚI BAN HÀNH

TT	Loại văn bản/số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Thông báo 443/TB-VPCP	Thông báo 443/TB-VPCP năm 2026 kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc tại cuộc họp về thúc đẩy xuất khẩu, kiểm soát nhập siêu do Văn phòng Chính phủ ban hành	20/8/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Thong-bao-443-TB-VPCP-2026-ket-luan-tai-cuoc-hop-ve-thuc-day-xuat-khau-kiem-soat-nhap-sieu-720956.aspx
2	Quyết định 2306/QĐ-BTC	Quyết định 2306/QĐ-BTC năm 2026 về Quy chế giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước; giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý, doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính làm đại diện chủ sở hữu	20/8/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Quyết-dinh-2306-QĐ-BTC-2026-quy-che-giam-sat-kiem-tra-hoat-dong-quan-ly-va-dau-tu-von-nha-nuoc-721273.aspx
3	Kế hoạch 1281/KH-UBND	Kế hoạch 1281/KH-UBND năm 2026 thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	21/8/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Ke-hoach-1281-KH-UBND-2026-thuc-hien-Chuong-trinh-san-xuat-va-tieu-dung-ben-vung-Dong-Thap-721610.aspx

4	Thông tư 124/2026/TT-BTC	Thông tư 124/2026/TT-BTC bổ sung Khoản 10 Điều 15 Thông tư 33/2023/TT-BTC quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	22/8/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Thong-tu-124-2026-TT-BTC-bo-sung-Khoan-10-Dieu-15-Thong-tu-33-2023-TT-BTC-721643.aspx
5	Nghị định 336/2026/NĐ-CP	Nghị định 336/2026/NĐ-CP quy định thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN	22/8/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Nghi-dinh-336-2026-ND-CP-thuc-hien-thu-tuc-hanh-chinh-hang-hoa-xuat-khau-nhap-khau-qua-canh-721470.aspx
6	Quyết định 1906/QĐ-UBND	Quyết định 1906/QĐ-UBND năm 2026 công bố Danh mục thủ tục hành chính mới và sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Điện Biên	24/8/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Quyet-dinh-1906-QD-UBND-2026-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-Xuat-nhap-khau-So-Cong-Thuong-Dien-Bien-721878.aspx
7	Nghị quyết 39/2026/NQ-CP	Nghị quyết 39/2026/NQ-CP về cơ chế chuyển tiếp sử dụng nhãn, bao bì hàng hóa đã in tên cũ khi doanh nghiệp thay đổi tên nhưng không thay đổi pháp nhân và chủ thể chịu trách nhiệm về hàng hóa do Chính phủ ban hành	25/8/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-quet-39-2026-NQ-CP-co-che-chuyen-tiep-su-dung-nhan-da-in-ten-cu-khi-doanh-nghiep-thay-doi-ten-722415.aspx

8	Thông tư 44/2026/TT-BCT	Thông tư 44/2026/TT-BCT sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và thiết bị điện phòng nổ sử dụng trong mỏ hầm lò do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	27/8/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Thong-tu-44-2026-TT-BCT-sua-doi-Quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-an-toan-khai-thac-khoang-san-722500.aspx
9	Thông tư 128/2026/TT-BTC	Thông tư 128/2026/TT-BTC quy định về kiểm tra, giám sát và quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải hoạt động trong khu vực cửa khẩu thông minh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	27/8/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Thong-tu-128-2026-TT-BTC-kiem-tra-hai-quan-hang-hoa-xuat-khau-trong-khu-vuc-cua-khau-thong-minh-723259.aspx
10	Văn bản hợp nhất 14/2026/VBHN-QĐ-BKHCN	Văn bản hợp nhất 14/2026/VBHN-QĐ-BKHCN hợp nhất Quyết định quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	27/8/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Van-ban-hop-nhat-14-2026-VBHN-QD-BKHCN-Quyết-dinh-nhap-khau-may-moc-cong-nghe-da-qua-su-dung-722648.aspx
11	Nghị quyết 25/2026/NQ-HĐND	Nghị quyết 25/2026/NQ-HĐND quy định nội dung và mức chi hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai	28/8/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-quet-25-2026-NQ-HDND-noi-dung-chi-ho-tro-doanh-nghiep-nang-cao-chat-luong-hang-hoa-Dong-Nai-723610.aspx

Quan ngại thương mại của Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Thụy Sĩ đối với quy định của Liên minh châu Âu về hàm lượng nhựa tái chế trong chai đồ uống bằng nhựa dùng một lần

1. Thông tin về biện pháp

Ngày 09/03/2026, Liên minh châu Âu (EU) đã thông báo cho Ủy ban về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Tổ chức Thương mại thế giới (Ủy ban TBT/WTO) dự thảo “Quyết định thực thi của Ủy ban quy định các quy tắc áp dụng Chỉ thị (EU) 2019/904 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến việc tính toán, xác minh và báo cáo dữ liệu về hàm lượng nhựa tái chế trong chai đồ uống bằng nhựa dùng một lần và bãi bỏ Quyết định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/2683” theo Thông báo G/TBT/N/EU/1195 tới các Thành viên WTO.

Tại phiên họp tháng 7/2026 của Ủy ban TBT/WTO, Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Thụy Sĩ đã nêu quan ngại đối với dự thảo Quyết định này.

2. Quan ngại của Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Thụy Sĩ

Hàn Quốc cho biết hoàn toàn chia sẻ và ủng hộ các mục tiêu môi trường của EU nhằm giảm ô nhiễm nhựa và thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn. Tuy nhiên, Hàn Quốc vẫn quan ngại rằng phản hồi của EU ngày 30/6/2026 đối với các ý kiến bằng văn bản của Hàn Quốc chưa giải quyết đầy đủ những tác động hạn chế thương mại tiềm tàng của dự thảo Quyết định đối với nhựa phế thải được tái chế bên ngoài EU.

Quan ngại chính của Hàn Quốc liên quan đến Điều 1(1) của dự thảo Quyết định, theo đó định nghĩa “nhựa tái chế” chỉ bao gồm vật liệu được tái chế trong EU. Theo Hàn Quốc, theo cách tiếp cận này, nhựa tái chế chất lượng cao được sản xuất tại các nước thứ ba sẽ không được tính vào hàm lượng nhựa tái chế cho đến ngày 21/11/2027, bất kể hiệu quả về môi trường hoặc kỹ thuật thực tế của vật liệu. Hàn Quốc cho rằng việc hạn chế theo địa lý này có thể gây ra hai vấn đề.

Thứ nhất, biện pháp có thể gây xáo trộn đáng kể thị trường. Các doanh nghiệp tái chế của Hàn Quốc có khả năng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt của EU, bao gồm truy xuất nguồn gốc vật liệu và hạch toán cân bằng khối lượng. Theo Hàn Quốc, việc loại trừ vật



liệu không phải của EU chỉ dựa trên nguồn gốc địa lý sẽ làm gián đoạn thương mại và gây bất lợi cho các nhà sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Thứ hai, biện pháp có thể tạo ra rủi ro đối với chuỗi cung ứng. Việc hạn chế công nhận vật liệu tái chế ngoài EU có thể gây khó khăn cho việc duy trì nguồn cung ổn định nhựa tái chế chất lượng cao, bao gồm nhựa tái chế hóa học, cho thị trường châu Âu. Theo Hàn Quốc, điều này có thể ảnh hưởng đến sự ổn định của chính chuỗi cung ứng của EU và việc thực hiện kịp thời các mục tiêu về kinh tế tuần hoàn.

Hàn Quốc cho rằng việc loại trừ dựa trên nguồn gốc địa lý cũng khó phù hợp với các nguyên tắc của Hiệp định TBT, đặc biệt là nguyên tắc đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc theo Điều 2.1, khi các sản phẩm nhập khẩu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật thực chất nhưng vẫn không được công nhận chỉ vì nguồn gốc địa lý. Hàn Quốc cũng cho rằng việc loại trừ các sản phẩm nhập khẩu đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn chuyển tiếp có thể hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết để đạt được các mục tiêu môi trường chính đáng của EU theo Điều 2.2 của Hiệp định TBT.

Hàn Quốc đề nghị EU áp dụng cách tiếp cận dựa trên mức độ đáp ứng yêu cầu, công nhận nhựa tái chế dựa trên các tiêu chí thực chất khách quan như chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc và hiệu quả môi trường, thay vì nguồn gốc địa lý. Hàn Quốc cũng đề nghị EU cho phép công nhận tính tương đương sớm đối với vật liệu tái chế ngoài EU nếu đáp ứng các yêu cầu thực chất của Quyết định trước ngày 21/11/2027; ban hành hướng dẫn kỹ thuật rõ ràng về điều kiện, thủ tục xác minh và yêu cầu để công nhận nhựa tái chế từ các nước thứ ba; đồng thời chia sẻ thông tin cập nhật về quá trình hoàn thiện biện pháp và thời điểm thực thi.

Hoa Kỳ cho biết đã gửi ý kiến ngày 23/4/2026 và ghi nhận phản hồi của EU ngày 29/6/2026. Hoa Kỳ cũng quan ngại về Điều 1(1), theo đó cho đến tháng 11/2027 chỉ vật liệu tái chế được sản xuất và phân loại trong EU mới đủ điều kiện được tính vào các yêu cầu về hàm lượng nhựa tái chế của EU.

Hoa Kỳ lưu ý rằng tất cả chai đồ uống bằng polyethylene terephthalate (PET) được đưa ra thị trường EU phải chứa ít nhất 25% nhựa tái chế. Do đó, Hoa Kỳ quan ngại rằng yêu cầu về hàm lượng nội địa này tạo lợi thế đáng kể cho các nhà sản xuất EU so với các nhà sản xuất tại nước thứ ba. Hoa Kỳ đề nghị EU giải thích lý do trì hoãn việc sử dụng nhựa được tái chế bên ngoài EU và cho biết liệu EU có đánh giá rằng các nhà sản xuất trong EU có thể



cung cấp đủ nhựa PET tái chế để đáp ứng nhu cầu đối với chai đồ uống trên thị trường EU đến ngày 21/11/2027 hay không.

Hoa Kỳ tiếp tục đề nghị EU trì hoãn đến ngày 21/11/2027 việc áp dụng bắt buộc các yêu cầu về hàm lượng nhựa tái chế đối với chai PET cho tất cả các chủ thể. Theo Hoa Kỳ, việc trì hoãn sẽ tránh tạo ra chi phí và gánh nặng không phù hợp đối với các nhà sản xuất Hoa Kỳ, đồng thời hỗ trợ bảo đảm nguồn cung nhựa PET tái chế đầy đủ cho các nhà sản xuất chai.

Hoa Kỳ cũng đề nghị EU làm rõ việc đánh giá liệu từng nước thành viên Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), như Hoa Kỳ, có đáp ứng các yêu cầu về quản lý chất thải nhựa theo phương thức bảo đảm môi trường hay không; cũng như các tiêu chí được sử dụng trong đánh giá này.

Ngoài ra, Hoa Kỳ quan ngại rằng biện pháp có thể trùng lặp với các yêu cầu hiện hành của EU về an toàn và chất lượng đối với nhựa tái chế tiếp xúc với thực phẩm. Hoa Kỳ đề nghị EU giải thích lý do đánh giá tính tương đương về sức khỏe con người và quản lý môi trường trong hoạt động tái chế theo biện pháp này, trong khi các yêu cầu đánh giá tương đương về sức khỏe con người và quản lý môi trường đã được quy định tại Quy định (EU) 2022/1616 và Quy định (EU) 2025/40 về bao bì và chất thải bao bì. Hoa Kỳ cũng đề nghị EU làm rõ cơ sở yêu cầu đánh giá tính tương đương của hệ thống tái chế quốc gia như một điều kiện để cho phép nhập khẩu nhựa tái chế từ nước thứ ba và chia sẻ các tiêu chí khách quan chi tiết được sử dụng để xác định tính tương đương.

Thụy Sĩ cho biết chia sẻ các quan ngại do các Thành viên khác nêu ra. Theo Thụy Sĩ, theo Quyết định thực thi mới được thông qua, cho đến tháng 11/2027, chỉ PET được phân loại và tái chế trong EU mới được tính vào mục tiêu về hàm lượng nhựa tái chế đối với chai PET.

Thụy Sĩ đề nghị EU trong thời gian tới làm rõ những thông tin cần cung cấp để chứng minh việc đáp ứng các yêu cầu của EU về quản lý chất thải nhựa theo phương thức bảo đảm môi trường. Thụy Sĩ cho rằng, theo Điều 2 của Hiệp định TBT, mọi việc loại trừ PET tái chế cần dựa trên bằng chứng và đánh giá rủi ro. Theo Thụy Sĩ, việc loại trừ PET được tái chế tại các nước thứ ba trước khi hoàn thành đánh giá rủi ro dường như không phù hợp với các nguyên tắc về đối xử quốc gia và tính tương xứng.

3. Phản hồi của Liên minh châu Âu



EU cảm ơn Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Thụy Sĩ đã đưa ra ý kiến đối với dự thảo Quyết định thực thi của Ủy ban về việc tính toán, xác minh và báo cáo dữ liệu về hàm lượng nhựa tái chế trong chai đồ uống bằng nhựa dùng một lần.

EU giải thích rằng Quyết định thực thi này quy định những loại vật liệu nào có thể được tính vào mục tiêu về hàm lượng nhựa tái chế đối với chai PET được quy định tại Điều 6(5) của Chỉ thị về nhựa dùng một lần. Biện pháp này không cản trở việc đưa bất kỳ loại vật liệu nào vào thị trường EU. Theo EU, mục tiêu của biện pháp là bảo đảm rằng hàm lượng nhựa tái chế góp phần thực hiện các mục tiêu môi trường của EU.

EU cho biết các mục tiêu về hàm lượng nhựa tái chế nhằm khuyến khích tái chế; tuy nhiên, việc tái chế chỉ được coi là có lợi khi mang lại lợi ích về môi trường lớn hơn so với việc đốt hoặc chôn lấp. Để bảo đảm tính toàn vẹn về môi trường, nhựa tái chế được tính vào mục tiêu theo Chỉ thị về nhựa dùng một lần phải có nguồn gốc từ chất thải nhựa được phân loại và tái chế theo phương thức bảo đảm môi trường.

Ban đầu, chỉ vật liệu được phân loại và tái chế tại các nước EU/EEA mới được tính vào mục tiêu về hàm lượng nhựa tái chế. Theo EU, cách tiếp cận này nhằm bảo đảm một tiêu chuẩn cao và thống nhất về bảo vệ môi trường ngay từ đầu.

Đối với vật liệu được phân loại và tái chế tại các nước thuộc phạm vi áp dụng của Quyết định của OECD về vận chuyển xuyên biên giới chất thải, vật liệu sẽ được phép tính vào mục tiêu theo Chỉ thị về nhựa dùng một lần kể từ ngày 21/11/2027, trừ trường hợp quốc gia đó bị loại trừ trên cơ sở đánh giá theo Điều 45 của Quy định về vận chuyển chất thải. EU cho biết đối với các nước thuộc phạm vi áp dụng của Quyết định OECD, biện pháp được thông báo không đưa ra yêu cầu đánh giá riêng về quản lý chất thải theo phương thức bảo đảm môi trường ngoài những yêu cầu đã được thiết lập trong Quy định về vận chuyển chất thải.

EU giải thích rằng thời điểm chuyển tiếp 21/11/2027 nhằm tạo thời gian cần thiết để các quốc gia thành viên điều chỉnh quy trình thu thập và báo cáo dữ liệu, đồng thời để Ủy ban theo dõi hoạt động xuất khẩu chất thải sang các nước OECD nhằm bảo đảm chất thải được xử lý theo phương thức bảo đảm môi trường phù hợp với Điều 45 của Quy định về vận chuyển chất thải.

Đối với đề xuất của Hoa Kỳ về việc công nhận nhựa tái chế từ các nước thứ ba dựa trên Quy định (EU) 2022/1616, EU cho rằng các tiêu chí của quy định này không phù hợp với mục tiêu môi trường vì tập trung vào sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng thay vì các tiêu chuẩn về môi trường.

Về Quy định về bao bì và chất thải bao bì, EU cho biết các tiêu chí để xác định tính tương đương của nhựa tái chế từ các nước thứ ba vẫn chưa được quy định trong một văn bản thực thi. Ủy ban châu Âu dự kiến hoàn thiện văn bản này vào cuối năm 2026. Quy định này sẽ được áp dụng đối với các yêu cầu về hàm lượng nhựa tái chế trong bao bì nhựa theo Quy định về bao bì và chất thải bao bì, nhưng không áp dụng trước năm 2030. Vì vậy, theo EU, không phù hợp sử dụng các quy định này làm cơ sở cho biện pháp được thông báo.

EU kết luận rằng các biện pháp được đề xuất trong dự thảo Quyết định là cần thiết để bảo đảm tính phù hợp về môi trường của hàm lượng nhựa tái chế và đạt được các mục tiêu môi trường của Chỉ thị về nhựa dùng một lần.

Đối với câu hỏi của Hoa Kỳ về nguồn cung nhựa PET tái chế, EU cho biết số liệu do ngành nhựa báo cáo cho thấy công suất tái chế cơ học PET hiện có tại châu Âu đủ để đáp ứng mục tiêu 25% hàm lượng nhựa tái chế đối với chai đồ uống PET, vốn đã được áp dụng từ năm 2025.

Cuối cùng, EU thông báo rằng Ủy ban châu Âu đã thông qua biện pháp được thông báo vào ngày 30/6/2026. Biện pháp đã được công bố trên Công báo chính thức của Liên minh châu Âu và sẽ có hiệu lực từ ngày 23/7/2026.



ÚC — MỘT SỐ BIỆN PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN NHÃN HIỆU, CHỈ DẪN ĐỊA LÝ VÀ CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BAO BÌ TRƠN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM THUỐC LÁ VÀ BAO BÌ THUỐC LÁ. (DS 467) (Phần 2)

2. Điều 2.2 TBT – Không tạo ra hạn chế thương mại quá mức cần thiết

Điều 2.2 Hiệp định về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (Hiệp định TBT) yêu cầu các Thành viên bảo đảm rằng các quy chuẩn kỹ thuật không được chuẩn bị, thông qua hoặc áp dụng với mục đích hoặc tác động tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại quốc tế. Theo đó, quy chuẩn kỹ thuật không được hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết để thực hiện một mục tiêu chính đáng, có tính đến những rủi ro phát sinh nếu không thực hiện mục tiêu đó. Các mục tiêu chính đáng bao gồm việc bảo vệ sức khỏe hoặc an toàn của con người.

Trong vụ việc DS467, Úc viện dẫn mục tiêu bảo vệ sức khỏe cộng đồng thông qua việc giảm tiêu thụ và mức độ tiếp xúc với các sản phẩm thuốc lá, đây là mục tiêu được Điều 2.2 TBT công nhận là mục tiêu chính đáng.

2.1. Biện pháp của Úc

Biện pháp được xem xét là hệ thống bao bì thuốc lá trơn (Tobacco Plain Packaging - TPP). Hệ thống này tiêu chuẩn hóa hình thức của sản phẩm thuốc lá và bao bì bán lẻ bằng cách hạn chế sử dụng nhãn hiệu và dấu hiệu; tên thương hiệu, tên công ty và tên biến thể sản phẩm chỉ được thể hiện theo kiểu chữ, màu sắc, phong cách và kích thước do quy định ấn định. Biện pháp này trực tiếp tác động đến cách thức trình bày và tiếp thị sản phẩm trên thị trường.

3. Lập luận của Indonesia theo Điều 2.2



Indonesia và các bên khiếu kiện lập luận rằng các biện pháp TPP tạo ra rào cản thương mại lớn do làm mất hoặc hạn chế khả năng sử dụng thương hiệu, logo, màu sắc và thiết kế trên bao bì của các nhà sản xuất thuốc lá. Điều này làm giảm khả năng cạnh tranh, năng lực tiếp thị sản phẩm và hạn chế giá trị thương mại của quyền sở hữu trí tuệ gắn liền với sản phẩm.

Các bên khiếu kiện cho rằng Úc có thể đạt được mục tiêu bảo vệ sức khỏe bằng các biện pháp thay thế ít hạn chế thương mại hơn, chẳng hạn như tăng cường kiểm soát thuốc lá hoặc điều chỉnh việc tiếp thị, quảng cáo và cảnh báo sức khỏe mà không cần tiêu chuẩn hóa toàn bộ bao bì.

4. Phân tích của Ban hội thẩm đối với Điều 2.2

Ban hội thẩm tiếp cận Điều 2.2 thông qua việc xem xét mối quan hệ giữa mức độ hạn chế thương mại của biện pháp TPP và mức độ đóng góp của biện pháp vào mục tiêu bảo vệ sức khỏe, đồng thời đánh giá các biện pháp thay thế do nguyên đơn đề xuất. Quá trình phân tích bao gồm các nội dung trọng tâm sau:

- **Mục tiêu chính đáng:** Ban hội thẩm xác định mục tiêu cải thiện sức khỏe cộng đồng và giảm sử dụng thuốc lá của Úc thuộc phạm vi bảo vệ sức khỏe con người theo Điều 2.2 TBT.
- **Mức độ đóng góp của biện pháp:** Ban hội thẩm đánh giá biện pháp TPP trong tổng thể chính sách kiểm soát thuốc lá của Úc (bao gồm cả các cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh được mở rộng). Kết luận cho thấy biện pháp TPP, kết hợp với các chính sách khác, có đóng góp thực tế và có ý nghĩa đối với mục tiêu giảm sử dụng thuốc lá.
- **Mức độ hạn chế thương mại:** Ban hội thẩm ghi nhận việc hạn chế các yếu tố thương hiệu làm giảm khả năng tiếp thị của doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc một biện pháp có tính hạn chế thương mại không đồng nghĩa với vi phạm nếu mức độ hạn chế đó không vượt quá mức cần thiết để đạt mục tiêu chính đáng.
- **Các biện pháp thay thế:** Ban hội thẩm xem xét các phương án thay thế do các bên khiếu kiện đề xuất và kết luận rằng các bên chưa chứng minh được những biện pháp thay

thể này vừa ít hạn chế thương mại hơn vừa đạt được mức độ bảo vệ sức khỏe tương đương với lựa chọn của Úc.

Kết luận cuối cùng, Ban hội thẩm nhận định các bên khiếu kiện không chứng minh được các biện pháp bao bì trơn của Úc hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết theo Điều 2.2 TBT. Báo cáo của Ban hội thẩm đã được Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DSB) thông qua ngày 27/8/2018 và Indonesia không kháng cáo.

5. Mức độ đóng góp của biện pháp

Một nội dung quan trọng trong DS467 là Ban hội thẩm xem xét liệu bao bì trơn có thực sự đóng góp vào mục tiêu giảm sử dụng thuốc lá hay không.

Ban hội thẩm không xem xét các biện pháp TPP (TPP measures) một cách tách biệt hoàn toàn khỏi các biện pháp kiểm soát thuốc lá khác của Úc. Thay vào đó, TPP measures được xem xét trong tổng thể chính sách kiểm soát thuốc lá của Úc, bao gồm cả các cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh được mở rộng cùng thời điểm.

Theo kết luận được WTO và WHO tóm tắt, bằng chứng được xem xét tổng thể cho thấy TPP measures, kết hợp với các biện pháp kiểm soát thuốc lá khác, có khả năng và trên thực tế đóng góp vào mục tiêu giảm sử dụng và mức độ tiếp xúc với thuốc lá.

Ban hội thẩm do đó xác định rằng Các biện pháp TPP có khả năng tạo ra và thực tế có đóng góp có ý nghĩa đối với mục tiêu bảo vệ sức khỏe.

6. Mức độ hạn chế thương mại

Một vấn đề khác là xác định Các biện pháp TPP có hạn chế thương mại hay không và mức độ hạn chế đến đâu.

Việc Úc cấm hoặc hạn chế việc sử dụng nhiều yếu tố thương hiệu và thiết kế trên bao bì làm giảm khả năng doanh nghiệp sử dụng bao bì như một phương tiện tiếp thị và phân biệt sản phẩm.

Tuy nhiên, trong khuôn khổ Điều 2.2, việc một biện pháp có tác động hạn chế thương mại không tự động dẫn đến vi phạm. Câu hỏi tiếp theo là liệu mức độ hạn chế đó có vượt quá mức cần thiết để đạt mục tiêu chính đáng hay không.

Chính vì vậy, phân tích Điều 2.2 không dừng ở việc chứng minh rằng biện pháp gây ảnh hưởng bất lợi đến thương mại. Cần đặt mức độ hạn chế đó cạnh mức độ đóng góp của biện pháp và tầm quan trọng của mục tiêu mà biện pháp theo đuổi. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với hướng dẫn chung của WTO về Điều 2.2 TBT.

7. Các biện pháp thay thế

Đây là phần quan trọng trong phân tích "hạn chế thương mại trên mức cần thiết".

Các bên khiếu kiện đưa ra những biện pháp thay thế mà theo họ có thể đạt được mục tiêu bảo vệ sức khỏe với mức hạn chế thương mại thấp hơn.

Ban hội thẩm xem xét các phương án này dựa trên khả năng:

- đạt được mục tiêu bảo vệ sức khỏe;
- đạt mức độ bảo vệ mà Úc lựa chọn;
- có tính khả thi trong thực tế;
- và tạo ra mức hạn chế thương mại thấp hơn Các biện pháp TPP.

Kết quả, Ban hội thẩm xác định rằng các bên khiếu kiện không chứng minh được những biện pháp thay thế được đề xuất vừa ít hạn chế thương mại hơn vừa có khả năng đạt được mức độ bảo vệ sức khỏe mà Úc theo đuổi. WTO tóm tắt rằng các bên khiếu kiện không chứng minh được Các biện pháp TPP hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết và không chứng minh được các biện pháp thay thế đề xuất có mức hạn chế thương mại thấp hơn Các biện pháp TPP.

8. Kết luận của Ban hội thẩm về Điều 2.2

Kết luận của Ban hội thẩm có thể tóm lược như sau:

Các bên khiếu kiện không chứng minh được rằng các biện pháp bao bì thuốc lá trôn của Úc hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết để đạt được mục tiêu chính đáng theo Điều 2.2 TBT.

WTO ghi nhận trực tiếp rằng Ban hội thẩm không tìm thấy cơ sở để kết luận Các biện pháp TPP không phù hợp với Điều 2.2 TBT.

Do đó, đối với DS467, Điều 2.2 TBT là một khiếu kiện được Ban hội thẩm xem xét về nội dung và bác bỏ cơ sở chứng minh vi phạm, khác với Điều 2.1 TBT là điều khoản không được Ban hội thẩm đưa ra kết luận về nội dung.

9. So sánh riêng Điều 2.1 và 2.2 trong DS467

Nội dung	Điều 2.1 TBT	Điều 2.2 TBT
Vấn đề chính	Đối xử không kém thuận lợi	Không tạo ra hạn chế thương mại quá mức cần thiết
Lập luận của Indonesia	Thuốc lá nhập khẩu bị đối xử kém thuận lợi so với sản phẩm nội địa	Bao bì trôn hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết
Mục tiêu chính của Úc	Không phải trọng tâm của phân tích	Bảo vệ sức khỏe con người, giảm sử dụng và tiếp xúc với thuốc lá
Trọng tâm pháp lý	Điều kiện cạnh tranh giữa sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm tương tự	Cân bằng giữa hạn chế thương mại, đóng góp vào mục tiêu, rủi ro và biện pháp thay thế
Biện pháp thay thế	Không phải trọng tâm	Là một phần quan trọng của phân tích
Kết quả	Không có kết luận về nội dung	Không chứng minh được vi phạm
Ý nghĩa đối với DS467	Không tạo thành cơ sở kết luận Úc vi phạm	Úc không bị xác định vi phạm Điều 2.2

10. Điểm cần đặc biệt lưu ý khi sử dụng DS467 làm ví dụ về TBT

Có thể cô đọng sự khác biệt giữa hai điều khoản trong DS467 như sau:



Điều 2.1 TBT đặt câu hỏi:

Quy định kỹ thuật của Úc có dành cho thuốc lá nhập khẩu một điều kiện cạnh tranh kém thuận lợi hơn so với sản phẩm tương tự trong nước hay không?

Trong DS467, Ban hội thẩm không trả lời câu hỏi này về mặt nội dung, vì khiếu kiện theo Điều 2.1 không được các bên khiếu kiện phát triển đầy đủ.

Trong khi đó, Điều 2.2 TBT đặt câu hỏi:

Các yêu cầu bao bì trôn của Úc có hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết để đạt mục tiêu chính đáng là bảo vệ sức khỏe con người hay không?

Đối với câu hỏi này, Ban hội thẩm đã tiến hành phân tích và kết luận rằng các bên khiếu kiện không chứng minh được Các biện pháp TPP hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết.